

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI XUÂN THÀNH

**TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC  
VÀ BẢO VỆ RỪNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ  
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH KON TUM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự  
Mã số: 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH**

Hà Nội, 2016

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**MAI XUÂN THÀNH**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU:</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b>	<b>7</b>
1.1. Những vấn đề lý luận về tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng	7
1.2. Quy định của luật hình sự Việt Nam về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	15
<b>Chương 2: VẤN ĐỀ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2011-2015</b>	<b>20</b>
2.1. Định tội danh tội vi phạm các quy định	20
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	37
<b>Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG</b>	<b>61</b>
3.1. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự	61
3.2. Các giải pháp khác	66
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>73</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>76</b>

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 2.1. Cơ cấu tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến 2015	28
Bảng 2.2. Tỷ lệ (%) các loại tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến năm 2015	29

## **CÁC DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>BLHS:</b>	Bộ luật hình sự
<b>BLTTHS:</b>	Bộ luật tố tụng hình sự
<b>CTTP:</b>	Cấu thành tội phạm
<b>HĐXX:</b>	Hội đồng xét xử
<b>TNHS:</b>	Trách nhiệm hình sự
<b>TAND:</b>	Tòa án nhân dân
<b>VKSND:</b>	Viện kiểm sát nhân dân
<b>XHCN:</b>	Xã hội chủ nghĩa

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta, với điều kiện địa lý đặc thù của một quốc gia vùng nhiệt đới được thiên nhiên ưu ái tạo cho những nguồn tài nguyên quý giá. Trong số những tài nguyên là thế mạnh của đất nước, chúng ta không thể không kể đến nguồn tài nguyên rừng. Đây là nguồn tài nguyên không chỉ có giá trị về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa rất lớn về môi trường sinh thái, an ninh – quốc phòng v.v... Tuy nhiên chúng ta đang đứng trước một thực trạng báo động về sự suy giảm trầm trọng nguồn tài nguyên rừng, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp một cách nhanh chóng. Tình trạng vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đang là thực trạng gây nhức nhối cho đời sống xã hội. Do vậy bảo vệ tài nguyên rừng đang là vấn đề quan tâm của không chỉ một địa phương mà cả một quốc gia và thậm chí là vấn đề toàn cầu.

Nằm ở phía bắc Tây Nguyên, với diện tích 9.676,5 km<sup>2</sup>, chiếm 3,1% diện tích toàn quốc, dân số 432.865 người, với vị thế địa lý kinh tế quan trọng, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, kết cấu hạ tầng từng bước được nâng cấp đồng bộ, Kon Tum có khá nhiều lợi thế để vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, Kon Tum có điều kiện hình thành các cửa khẩu, mở rộng hợp tác quốc tế về phía Tây. Kon Tum có đường Quốc lộ 14 nối với các tỉnh Tây Nguyên và Quảng Nam, đường 40 đi Atôpư (Lào). Thực hiện đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh như Sâm Ngọc Linh, rau hoa xứ lạnh, nuôi cá tầm, cá hồi... gắn với tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Đến năm 2008, diện tích đất lâm nghiệp của Kon Tum là 660.341 ha, chiếm 68,14% diện tích tự nhiên. Với diện tích lớn, đa dạng sinh học, chủng loại cây phong phú, nhiều sản vật quý hiếm, rừng vốn là nguồn lợi lớn đóng góp đáng

kê vào sự phát triển kinh tế của tỉnh nhà. Tuy nhiên cũng không ngoài tình hình chung, rừng Kon Tum đang bị tàn phá, diện tích rừng bị thu hẹp, tình hình vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã và đang là vấn đề nổi cộm, diễn biến rất phức tạp, các ngành chức năng gặp rất nhiều khó khăn trong việc đấu tranh phòng chống đối với tội phạm này bởi rất nhiều nguyên nhân khác nhau.

Từ thực tiễn tình hình tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum như đã nêu trên cho thấy rõ nhu cầu phải tiếp tục tăng cường đấu tranh với loại tội phạm này, đặc biệt trong tình hình hiện nay khi Chỉ thị của Đảng, cũng như mong đợi của mọi người dân là phải ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm khỏi đời sống xã hội. Để thực hiện nhu cầu này, cả khoa học và thực tế đã chỉ ra rằng, có hai hướng đấu tranh: một là đấu tranh bằng pháp luật hình sự mà nhiệm vụ trọng tâm (mục đích) là hoàn thiện bản thân những quy định của pháp luật hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và hai là đấu tranh bằng các biện pháp phòng ngừa, tức là sử dụng triết để kết quả nghiên cứu tội phạm học. Cả hai hướng này đều cần được nghiên cứu, song ở đây, hướng đấu tranh bằng pháp luật hình sự đã được lựa chọn. Hơn nữa, thực tiễn 05 năm qua từ 2011-2015, trong việc xét xử tổng cộng 474 vụ với 1219 bị cáo phạm tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã cho thấy nhiều vấn đề về pháp luật và áp dụng pháp luật hình sự cần phải được đánh giá và khái quát hóa, tạo cơ sở cho việc hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự, cũng như hướng dẫn áp dụng.

Với cách nhìn nhận như vậy, đề tài ***“Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kon Tum”*** đã được chọn lựa để nghiên cứu.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng được nhiều tác giả nghiên cứu, đồng thời các cấp, các ngành cũng dành sự quan tâm nhiều đến loại tội này, nên có nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố.

### *a) Tình hình nghiên cứu lý luận*

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo: “*Giáo trình luật hình sự Việt nam - phân các tội phạm*” (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; “*Lý luận chung về định tội danh*” (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*” (2014), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; “*Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (1994), Nxb Chính trị quốc gia “*Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*” (1995), Nguyễn Ngọc Hòa, Nxb Chính trị quốc gia; “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phân các tội phạm*” (1997), Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, “*Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*” (2000), Đinh Văn Quế, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### *b) Tình hình nghiên cứu thực tế*

Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến tội phạm này không nhiều. Có thể kể đến như luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Lê Văn Hà: Trách nhiệm hình sự đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm này trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2002; bài viết của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà: Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng - những tồn tại và vướng mắc cần tháo gỡ, tạp chí TAND số 14 năm 2005. Và gần đây nhất là luận án tiến sỹ luật học của tác giả Phạm Đình Xinh: Hoạt động điều tra tội



phạm vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng của cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý và chức vụ.

Ngoài các công trình này còn có những công trình khác hoặc là chỉ nghiên cứu một phần về trách nhiệm hình sự của loại tội này cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm này trên một phạm vi hẹp; hoặc là nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động điều tra tội phạm vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng của cơ quan cảnh sát điều tra; hoặc là chỉ dừng lại ở các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong luật hình sự Việt Nam.

Tóm lại: Những công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn ở trên rất có giá trị để tham khảo và kế thừa trong việc nghiên cứu đề tài “*Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Kon Tum*”. Một đề tài nghiên cứu chuyên sâu về tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng, dưới góc độ của khoa học luật hình sự.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *a) Mục đích nghiên cứu*

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và phân tích thực tiễn áp dụng tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, đề tài phải có kiến nghị về hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự, cũng như kiến nghị giải pháp áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, một cách phù hợp hơn.

#### *b) Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Thứ nhất, tìm hiểu vấn đề lý luận và pháp luật về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng;

- Thứ hai, tìm hiểu về thực tiễn tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng tại tỉnh Kon Tum giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015;

- Thứ ba, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự đối với hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

- Thứ tư, các giải pháp phòng ngừa đối với tội vi phạm quy định khai thác bảo vệ rừng.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *a) Đối tượng nghiên cứu*

Trên cơ sở thực tế tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, luận văn phải xác định và luận giải được sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi phạm tội.

##### *b) Phạm vi nghiên cứu*

- Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;

- Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi tỉnh Kon Tum;

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, gồm số liệu thống kê của Tòa án tỉnh Kon Tum và 100 bản án hình sự sơ thẩm.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### *a) Phương pháp luận*

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm và hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

##### *b) Phương pháp nghiên cứu*

Trong quá trình thực hiện đề tài, luận văn áp dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự như: phương pháp lịch sử; so sánh, kể cả luật so sánh; tổng kết thực tiễn; phân tích; thống kê; tổng hợp...

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- *Ý nghĩa khoa học:* Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện pháp luật cũng như hoàn thiện lý luận định tội và quyết định hình phạt; đồng thời có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo luật.

- *Ý nghĩa thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động áp dụng pháp luật, đặc biệt là nâng cao hiệu quả của công tác xét xử của Tòa án, khi giải quyết các vụ án hình sự về tội “vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam.

*Chương 2:* Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2015

*Chương 3:* Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự và giải pháp phòng ngừa đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

### 1.1. Những vấn đề lý luận về tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng

#### 1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

##### 1.1.1.1. Khái niệm tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

Tội phạm vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng được quy định tại Điều 175 của BLHS năm 1999. Điều luật quy định như sau:

*Điều 175. Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*

*1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

*a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;*

*b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này.*

*2. Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.*

3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến hai mươi triệu đồng* [15, tr.125].

Chưa có một định nghĩa chính thức về tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong các giáo trình chính thống. Tuy nhiên có thể đưa ra khái niệm tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng dựa trên quan điểm của PGS.TS khoa học Lê Cẩm tội phạm phải thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu bao gồm 3 bình diện với 5 đặc điểm của nó là: a/ Bình diện khách quan: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, b/ Bình diện pháp lý: Tội phạm là hành vi trái pháp luật hình sự, c/ Bình diện chủ quan: Tội phạm là hành vi do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách có lỗi.

Từ đó có thể rút ra khái niệm về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng như sau: Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi, xâm phạm những quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng nói riêng cũng như xâm phạm các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý kinh tế nói chung.

#### ***1.1.1.2. Các yếu tố cấu thành tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng***

##### ***a) Về mặt khách thể của tội phạm***

Khách thể trực tiếp của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng chính là các quan hệ xã hội thể hiện chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng. Thông qua việc bảo vệ các quan hệ xã hội này Nhà nước bảo vệ được trật tự quản lý kinh tế (khách thể loại).

Luật hình sự của một số nước trên thế giới quan niệm khách thể của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng cũng có sự khác nhau nhất định tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội của mỗi nước.

Về đối tượng tác động của tội phạm: là rừng và các sản phẩm của rừng như gỗ và các lâm thổ sản khác.

*a) Mặt khách quan của tội phạm*

Hành vi khách quan của tội phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo Điều 175 BLHS năm 1999 bao gồm 04 loại hành vi:

*Thứ nhất*, hành vi khai thác trái phép cây rừng. Hành vi khai thác trái phép cây rừng thường được biểu hiện cụ thể dưới các dạng như:

- Tổ chức, cá nhân khai thác trái phép cây rừng ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp pháp luật quy định việc khai thác đó chỉ được thực hiện khi đã được cấp giấy phép và giấy phép còn trong thời hạn. Dạng hành vi này bao gồm cả trường hợp khai thác cây rừng ngoài khu vực cho phép.

- Tổ chức, cá nhân khai thác cây rừng ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng khi đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và giấy phép còn trong thời hạn nhưng đã thực hiện không đúng quy định ghi trong giấy phép.

*Thứ hai*, hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng: được hiểu là những hành vi không được quy định tại Điều 175 BLHS mà được quy định trong các văn bản pháp luật khác có liên quan và những hành vi mà nhà làm luật dự liệu sẽ xuất hiện trong tương lai (tất nhiên những hành vi này phải là những hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng).

*Thứ ba*, hành vi vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép: Là hành vi vận chuyển, buôn bán gỗ không đúng với quy định của Nhà nước.

Dấu hiệu thứ hai, người có hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính

về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

*Đã bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*

Đây là trường hợp trước đó người có hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã bị xử phạt hành chính (cảnh cáo, phạt tiền...) về một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 175 hoặc khoản 1 Điều 189 BLHS và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nay lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 175.

*Đã bị kết án về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm*

Nghĩa là tính từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án chưa quá các thời hạn theo Điều 64 BLHS năm 1999.

*Gây hậu quả nghiêm trọng*

Mức độ gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT- BTP- BCA- VKSNDTC-TANDTC.

Hậu quả của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng là những thiệt hại về mặt vật chất như số lượng gỗ bị khai thác trái phép, diện tích rừng bị phá huỷ, lấn chiếm... ngoài ra, loại tội phạm này còn gây ra những hậu quả khác như xâm phạm tới trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cân bằng sinh thái, là nguyên nhân gây ra bão lụt, hạn hán, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và đời sống con người.

Các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng cho thấy, tội phạm này có cấu thành vật chất. Theo

đó hậu quả của tội phạm là dấu hiệu, là điều kiện bắt buộc để truy cứu TNHS người phạm tội. Giữa hành vi khách quan với hậu quả của tội phạm vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng luôn luôn có mối quan hệ nhân quả với nhau.

*b) Về mặt chủ thể của tội phạm*

Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng không quy định chủ thể đặc biệt. Nghĩa là bất kỳ ai, có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS.

Ở tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng thì nhân thân của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc định tội. Theo đó, CTTTP cơ bản của tội này đòi hỏi người phạm tội phải có dấu hiệu phản ánh đặc điểm xấu về nhân thân là “*đã bị xử phạt hành chính*” hoặc là “*đã bị kết án*”.

- Ở khung 1 đây là tội ít nghiêm trọng do điều luật quy định người phạm tội bị phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm. Như vậy theo quy định tại điều 12 BLHS năm 1999 người dưới 16 tuổi sẽ không bị truy cứu TNHS nếu tội phạm mà họ thực hiện chỉ thuộc cấu thành tại khoản 1 điều 175 BLHS.

- Ở tội danh này người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi sẽ phải chịu TNHS nếu hành vi phạm tội của họ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 điều 175 BLHS “*Với lỗi cố ý*”

*c) Mặt chủ quan của tội phạm*

Lỗi của người phạm tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng có thể là lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý. Thông thường đối với những người thực hiện hành vi khai thác trái phép cây rừng, vận chuyển gỗ trái phép, buôn bán gỗ trái phép thì lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý (có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp).



Động cơ, mục đích phạm tội ở mỗi tội phạm cụ thể là khác nhau, có thể là vụ lợi, có thể là nể nang trong quan hệ bạn bè, gia đình hay động cơ khác nhưng động cơ vụ lợi là chủ yếu.

### **1.1.2. Phân biệt tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng với một số tội phạm khác**

#### **1.1.2.1. Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) và tội Vi phạm các quy định về quản lý rừng (Điều 176).**

Đây là hai tội phạm cùng được xếp vào chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Về mặt khách thể: Cùng giống nhau là tội phạm đều xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về kinh tế gây thiệt hại cho Nhà nước. Tuy nhiên đối tượng tác động của hai tội này là khác nhau. Ở Điều 175 đối tượng tác động chính là lâm sản và các quy định về bảo vệ rừng còn ở điều 176, đó chính là những chính sách, những quy định về quản lý kinh tế trong *quản lý rừng*. Thông qua việc tác động vào những quy định này người phạm tội đã không thực hiện đúng chế độ quản lý gây thiệt hại cho lợi ích kinh tế của Nhà nước, tổ chức, công dân. Do vậy về mặt khách quan giữa hai tội có sự khác nhau chủ yếu giữa một bên (Điều 175) là trực tiếp hành động hoặc không hành động tác động trực tiếp đến rừng và một bên (Điều 176) là hành động hoặc không hành động tạo ra *các quyết định hành chính* cho phép người khác thực hiện. Từ hành vi trái pháp luật tạo cơ sở cho những hành vi trái pháp luật khác. Đó có thể là cho phép khai thác vận chuyển lâm sản, cho phép vận chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, giao rừng trái pháp luật. Cũng từ mặt khách quan cho thấy để thực hiện được những hành vi khách quan của tội phạm đòi hỏi một dấu hiệu khác đó là *chủ thể đặc biệt* (đối với Điều 176) người phạm tội phải là người có chức vụ quyền hạn trong khi Điều 175 không đòi hỏi dấu hiệu này. Cũng phù hợp với đối tượng tác động hành vi khách

quan và chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và tội Vi phạm các quy định về quản lý rừng cũng như có sự khác nhau giữa 1 bên (Điều 175) người phạm tội có thể là có lỗi cố ý hoặc là vô ý và 1 bên là (Điều 176) luôn đòi hỏi dấu hiệu lỗi cố ý. Nếu với lỗi vô ý người phạm tội sẽ không bị điều chỉnh theo điều 176 BLHS mà có thể chuyển sang truy cứu TNHS theo điều 285 BLHS. (Tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng).

Trên đây là một số nét cơ bản để phân biệt giữa hai tội.

#### ***1.1.2.2. Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) và tội Hủy hoại rừng (Điều 189).***

Tội Hủy hoại rừng vốn được tách ra từ điều 181 (BLHS năm 1985) do tính chất khách thể bị xâm hại và cũng vì BLHS 1999 quy định một chương mới – Chương các tội phạm về môi trường, cho nên tội Hủy hoại rừng được đưa vào chương này, với mục đích thực hiện nguyên tắc cá thể hóa TNHS, xử lý có phân biệt với những hành vi phạm tội.

Giữa Điều 175 và Điều 189 có nhiều điểm rất giống nhau: Về đối tượng tác động người phạm tội cũng có những hành vi phạm tội tác động trực tiếp đến rừng và các yếu tố có liên quan đến rừng. Về biểu hiện của hành vi khách quan có những điểm giống nhau như hành vi chặt phá, đốt rừng, do vậy cũng có sự tương đồng về công cụ phương tiện thực hiện tội phạm và cách thức thực hiện tội phạm. Mặt khác trong Điều 175 về hành vi khách quan xâm phạm đến những quy định về bảo vệ rừng cũng điều chỉnh hành vi phát đốt rừng. Do vậy, rất dễ có sự nhầm lẫn khi xác định tội danh giữa tội Vi phạm các quy định về khai thác về bảo vệ rừng và tội Hủy hoại rừng. Tuy nhiên, cũng có những dấu hiệu mà chúng ta phải đặc biệt chú ý để từ đó xác định chính xác tội danh.

Trước hết về khách thể bị xâm hại. Ở Điều 175 BLHS đó chính là những quy định của Nhà nước về *quản lý kinh tế* còn ở Điều 189 là những quy định của Nhà nước về *bảo vệ môi trường*. Đây là những quy định nhằm đảm bảo cho sự cân bằng sinh thái, sự ổn định của các yếu tố tự nhiên, môi trường, bảo vệ và phát triển giống loài, hệ thực vật .v.v... Đây là những yếu tố tồn tại không thể thiếu cho cuộc sống của con người. Do vậy cần có những chế tài để ngăn chặn những hành vi làm suy thoái và ô nhiễm môi trường. Một điểm quan trọng khác cần lưu ý là những thiệt hại về kinh tế thông thường có thể tính được thành tiền. Song thiệt hại về môi trường là thiệt hại khó định lượng. Hậu quả để lại rất nặng nề, xảy ra trên phạm vi rộng lớn, ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội, khó khắc phục và chi phí khắc phục là rất lớn.

Về mục đích của người phạm tội, khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, điều họ nhận được đó là việc làm của họ gây hủy hoại cho môi trường sinh thái họ mong muốn hoặc chấp nhận để hậu quả này xảy ra. Do vậy ngoài động cơ vụ lợi vì mục đích kinh tế như người có hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, tội hủy hoại rừng có thể được thực hiện với những động cơ mục đích khác nhau. Đó có thể là vì động cơ cá nhân để thỏa mãn những mâu thuẫn nội bộ hoặc vì động cơ đê hèn để trả thù thỏa mãn những ganh ghét cá nhân. Dù xuất phát từ những động cơ khác nhau nhưng mục đích mà họ hướng tới chính là việc hủy hoại rừng, làm cho hệ sinh thái bị hủy diệt, khả năng tồn tại và phát triển của rừng bị ngăn chặn và bỏ qua đó họ đã làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Do vậy Hủy hoại rừng không giới hạn chủ thể đặc biệt. Điều luật xác định chủ thể của tội phạm là bất kì ai có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định. Dù cho đó là chủ rừng tự hủy hoại rừng do mình đầu tư 100% vốn. Điều

này xác định tính nghiêm khắc của Nhà nước ta trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vốn đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Nhìn chung để phân biệt giữa tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng với các tội phạm khác chương theo quy định của BLHS, chúng ta cần bám sát vào các yếu tố CTTP, không nên xem nhẹ một yếu tố nào, các dấu hiệu về động cơ mục đích của tội phạm phải được đánh giá một cách đúng đắn, nó quyết định chính xác khi chúng ta xác định tội danh.

## **1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội vi phạm quy định khai thác bảo vệ rừng**

### **1.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng**

#### ***1.2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành bộ luật hình sự năm 1985***

Nhìn chung, thời kỳ này chúng ta chỉ có một số ít các văn bản pháp luật quy định về các hành vi vi phạm khai thác và bảo vệ rừng như: Sắc lệnh số 142/SL ngày 21/12/1949 quy định việc lập biên bản các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng; Sắc lệnh số 26/SL ngày 25/02/1946 về các tội phá hoại công sản; Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1956 về các âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của Hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước.

Thời kỳ từ năm 1954 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985 xuất hiện một số văn bản pháp luật điều chỉnh các hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng có giá trị pháp lý cao như: Pháp lệnh quy định về quản lý Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy (ngày 27/9/1961); Nghị định số 221-CP ngày 29/12/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc phòng cháy và chữa cháy rừng; Nghị định số 39-CP ngày 05/4/1963

của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về săn, bắt chim, thú rừng; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN (ngày 21/10/1970); Pháp lệnh ngày 06/9/1972 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định việc bảo vệ rừng; Nghị quyết số 155-CP ngày 03/10/1973 của Hội đồng Chính phủ về việc thi hành pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng.... Đặc biệt, trong thời kỳ này vấn đề bảo vệ rừng đã được đề cập trong đạo luật cao nhất của Nhà nước ta- Hiến pháp năm 1980.

Bên cạnh những văn bản kể trên, cùng thời gian này Chính phủ và các Bộ, Ngành đã ban hành hàng loạt các văn bản có liên quan về quản lý và bảo vệ rừng như: Quyết định số 41-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định các khu rừng cấm; Nghị định số 221/CP của Thủ tướng Chính phủ về phòng cháy và chữa cháy rừng; Thông tư số 24-TT/75 ngày 20/9/1975 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời về việc bảo vệ và khắc phục ô nhiễm rừng .v..v....

Như vậy, trước khi ban hành BLHS năm 1985, việc xử lý tội phạm về bảo vệ rừng vẫn được thực hiện theo Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967; Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng ngày 06/9/1972 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Những quy định nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật thời kỳ này đã bước đầu đặt cơ sở quan trọng cho pháp luật hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

#### ***1.2.1.2. Giai đoạn từ khi ban hành bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành bộ luật hình sự năm 1999***

BLHS năm 1985 được Quốc hội thông qua ngày 27/6/1985 và có hiệu lực từ ngày 01/11/1986 là BLHS đầu tiên của Nhà nước ta. Trong bộ luật này lần đầu tiên tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng đã được quy

định tại một điều độc lập: Điều 181 chương VII- Các tội phạm về kinh tế- BLHS năm 1985.

Trong một thời gian dài, các quy định của BLHS năm 1985 về tội Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng hầu như không có sự sửa đổi, bổ sung. Điều này được minh chứng qua 04 lần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985 vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997. Chỉ duy nhất vào lần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1989 tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng có sự sửa đổi về hình phạt bổ sung. Theo đó người phạm tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng có thể bị phạt tiền đến 50.000.000đ (nâng mức phạt tiền lên tối đa là 50.000.000đ).

### **1.2.2. Quy định của bộ luật hình sự hiện hành về tội vi phạm quy định khai thác bảo vệ rừng**

#### ***1.2.2.1. Quy định về tội phạm***

Theo quy định tại điều 175 BLHS hiện hành chính là một trong những điều được chia tách từ điều 181 bộ luật hình sự năm 1985 . Việc tách điều 181 thành các tội độc lập là hết sức cần thiết và đảm bảo cho việc điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách cụ thể tránh tình trạng hiểu thế nào cũng được, xử lý thế nào cũng được. Chúng ta nhận thấy tội vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng sau khi được tách ra từ điều 181 vẫn được giữ nguyên trong chương về các tội xâm phạm quản lý trật tự kinh tế, nhưng nó không còn trực tiếp điều chỉnh nhiều quan hệ xã hội như trước nữa.

#### ***1.2.2.2. Quy định về hình phạt***

##### **A. Khung cơ bản**

Khoản 1 điều 175 BLHS năm 1999 quy định.

*1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu*

*đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

*a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;*

*b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này.*

### **B. Khung tăng nặng**

Khung 2 điều 175 BLHS năm 1999 quy định “*Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm*”.

### **C. Hình phạt bổ sung**

*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 đến 20 triệu đồng.*

Điều 175 trong BLHS phản ánh sự cố gắng của Nhà nước trong việc cụ thể hóa phạm vi điều chỉnh đối với từng loại quan hệ xã hội, nâng cao khả năng điều chỉnh của điều luật, làm cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo áp dụng pháp luật thống nhất, tránh tình trạng khái quát, tùy tiện trong xử lý. Tuy nhiên phải thấy rằng đây vẫn là điều luật chưa hoàn chỉnh chủ yếu nổi lên những vấn đề đầu sau:

Về đối tượng tác động của khách thể bị xâm hại còn quá chông chéo thuộc phạm vi điều chỉnh của nhiều điều luật khác nhau thể hiện tính chung chung chưa rõ ràng. Vấn đề định lượng để cá thể hóa hình phạt chưa được quy định cụ thể, khó áp dụng trong thực tiễn tạo ra tính tùy tiện khi xử lý hành vi vi phạm. Mặc dù có nhiều quyết tâm trong việc ổn định các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên song thực sự Điều 175 BLHS chưa phải là một hành lang pháp lý hoàn chỉnh để thực hiện điều chỉnh các QHXX như mong muốn.

## **Kết luận chương 1**

Cùng với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, pháp luật hình sự cũng từng bước được xây dựng và hoàn thiện. Qua nghiên cứu chúng ta thấy trong BLHS năm 1999 hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã được tách khỏi hành vi vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng, và được quy định thành một tội danh độc lập. Việc làm này nhằm thực hiện triệt để hơn nguyên tắc cá thể hóa hành vi cũng như cá thể hóa hình phạt, đồng thời thể hiện thái độ lên án của Nhà nước đối với từng loại tội phạm.

Khi nghiên cứu và quá trình thực tiễn áp dụng Điều 175 BLHS năm 1999 mặc dù có những hạn chế bất cập nhất định trong quá trình vận dụng, điều tra, truy tố, xét xử đối với loại tội phạm này. Nhưng cũng đã phản ánh sự cố gắng của Nhà nước trong việc cụ thể hóa phạm vi điều chỉnh đối với từng loại quan hệ xã hội. Nâng cao khả năng điều chỉnh của điều luật, làm cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo áp dụng pháp luật thống nhất, tránh tình trạng khái quát, tùy tiện trong xử lý. Tuy nhiên phải thấy rằng đây vẫn là điều luật chưa hoàn chỉnh chủ yếu nổi lên những vấn đề sau:

Về đối tượng tác động của khách thể bị xâm hại còn quá chông chéo thuộc phạm vi điều chỉnh của nhiều điều luật khác nhau thể hiện tính chung chung chưa rõ ràng. Vấn đề định lượng để cá thể hóa hình phạt chưa được quy định cụ thể, khó áp dụng trong thực tiễn tạo ra tính tùy tiện khi xử lý hành vi vi phạm. Mặc dù có nhiều quyết tâm trong việc ổn định các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên song thực sự Điều 175 BLHS chưa phải là một hành lang pháp lý hoàn chỉnh để thực hiện điều chỉnh các QHXXH như mong muốn.



## Chương 2

# VẤN ĐỀ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2011-2015

### 2.1. Thực tiễn định tội danh tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

#### 2.1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

##### a) Định tội danh và các đặc điểm của định tội danh

Hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau đối với khái niệm định tội danh, tuy nhiên, bản thân tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng: Định tội danh là *“Việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý hình sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự”* [32. Tr 04].

Định tội danh đúng là kết quả của quá trình hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và tạo tiền đề để đảm bảo cho việc quyết định hình phạt đúng đắn.

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự diễn ra đa dạng và phức tạp, thể hiện ở ba giai đoạn: Định tội danh, xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Trong đó định tội danh là giai đoạn đầu tiên, giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật hình sự, vì định tội danh một tội phạm cụ thể được tiến hành ở tất cả các giai đoạn của quá trình tiến hành tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án. Định tội danh là một trong những biện pháp đưa các quy

định của BLHS vào đời sống xã hội, góp phần có hiệu quả vào quá trình đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, qua đó góp phần thực hiện chính sách, đường lối hình sự của Đảng và nhà nước. Định tội danh là việc xác định về mặt pháp lý hình sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong CTTP tương ứng được quy định cụ thể trong BLHS. Nói cách khác, định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện đáp ứng đầy đủ các dấu hiệu của CTTP của một tội nào đó trong số các tội được quy định trong BLHS. Về phương pháp định tội danh: Chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch và phương pháp loại trừ.

Khi định tội danh một hành vi tội phạm nào đó, người định tội danh phải căn cứ vào CTTP cơ bản. Trong trường hợp điều luật về tội phạm cụ thể chứa đựng nhiều khung hình phạt thì sau khi định tội danh, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải xem xét, xác định hành vi phạm tội thỏa mãn khung hình phạt nào (Khung cơ bản, khung tăng nặng hay khung giảm nhẹ), có nghĩa là Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã xác định phạm vi TNHS của người phạm tội. Trên cơ sở đó, Tòa án sẽ xử lý hành vi phạm tội của người phạm tội như: Miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc lựa chọn một hình phạt cụ thể cho bị cáo. Tác giả đồng ý với quan điểm nên coi định khung hình phạt thuộc về quyết định hình phạt [47]. Vì định khung hình phạt là việc được thực hiện sau khi thực hiện định tội danh xong. Việc định tội danh dựa trên cơ sở CTTP cơ bản chứ không phải dựa vào cấu thành tăng nặng hay giảm nhẹ được nêu trên.

Ta có thể thấy việc định tội danh gồm có bốn đặc điểm như sau:

+ Định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa thực tiễn và lý luận. Thể hiện ở hai khía cạnh: Đó là xác định xem hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với CTTP cụ thể trong BLHS và đưa ra sự

đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

+ Quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của BLHS (Luật nội dung) cũng như các quy phạm pháp luật của BLTTHS (Luật hình thức).

+ Định tội danh là một dạng của hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng (gồm: Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát) để cụ thể hóa các quy phạm pháp luật hình sự vào trong thực tế đời sống xã hội. Trên cơ sở xác định đúng đắn và đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đúng đắn và đầy đủ nội dung của các quy phạm pháp luật hình sự.

+ Định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành theo ba bước như sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan. Bước này đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá tất cả các tình tiết của vụ án một cách vô tư khách quan, toàn diện, không suy diễn, không định kiến, phải dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của BLTTHS. Mỗi một tình tiết trong vụ án được đánh giá một cách độc lập để thấy được tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại được đặt trong mối quan hệ với các tình tiết khác của vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án. Khi đánh giá các tình tiết của vụ án, ta phải đặt nó trong hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biện chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra, vì có thể cùng một tình tiết nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì bản chất của nó khác nhau.

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu của CTCT về tội danh có

hướng lựa chọn. Các dấu hiệu trong CTTP được quy định trong BLHS mang tính trừu tượng chỉ khái quát những nét đặc trưng mang tính phổ biến để điều chỉnh hiện tượng thực tế xã hội diễn ra muôn màu muôn vẻ. Đòi hỏi phải có quá trình tư duy để nhận thức đúng đắn, sâu rộng về nội dung của các dấu hiệu trong CTTP, có nhiều các quy phạm pháp luật hình sự chưa xác định rõ ràng ranh giới giữa chúng với nhau. Ví dụ: Hoặc việc quyết định hình phạt trong trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoặc như thế nào là nguy hiểm chưa đáng kể và nguy hiểm đáng kể... Ngoài ra một số quy định của BLHS thể hiện rõ sự bất cập như: Chính sách hình sự đối với người phạm tội chưa đủ 16 tuổi, các trường hợp này đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá trên căn cứ khoa học căn cứ vào thực tế đời sống xã hội làm cho nó có sức thuyết phục, nói cách khác đòi hỏi người định tội danh phải có một trình độ pháp lý hình sự nhất định.

Bước 3: Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu đầy đủ, chính xác các dấu hiệu CTTP được quy định trong quy phạm pháp luật của tội Vi phạm các quy định về quản lý rừng với các tình tiết của hành vi vi phạm cụ thể được thực hiện trên thực tế, trên cơ sở này đưa ra các kết luận đúng đắn, có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi đã thực hiện với CTTP đã được quy định. Kết luận đó phải được thể hiện dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật.

*b) Các yếu tố làm căn cứ trong hoạt động định tội danh*

Định tội danh được tiến hành trên cơ sở các luận điểm đã được luật quy định và các luận điểm lý luận về pháp luật. Từ mối quan hệ của cái đơn nhất và cái chung trên cơ sở triết học thì định tội danh là một chân lý khách quan trong hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử khi điều tra và giải quyết các vụ án hình sự. Để làm rõ vấn đề này, chúng ta cần làm rõ các yếu tố trong hoạt động định tội danh như sau:

- Định tội danh theo các yếu tố CTTTP: Đây là hoạt động định tội danh dựa trên các yếu tố như mặt chủ quan, mặt khách quan, mặt khách thể tội phạm và chủ thể hành vi phạm tội. Các yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng nó có ý nghĩa riêng của nó và có thể tách riêng ra nghiên cứu một cách độc lập tương đối trong mối quan hệ với các yếu tố khác.

- Định tội danh đối với yếu tố hành vi phạm tội chưa thành: Đây là hoạt động xác định mức độ, tính nguy hiểm và hành vi phạm tội, việc xác định các giai đoạn phạm tội chưa hoàn thành và việc định tội danh đối với hành vi phạm tội chưa hoàn thành hay tự ý nửa chừng chấm dứt phạm tội để từ đó căn cứ vào các căn cứ pháp luật hình sự để định tội danh một cách phù hợp nhất, chính xác nhất tương ứng với mức độ thực hiện hành vi phạm tội đã gây ra.

- Định tội danh trong trường hợp đồng phạm: *“Chế định đồng phạm trong Luật Hình sự nước ta bao quát một hình thức đặc biệt của việc thực hiện tội phạm khi tội phạm không phải do một người thực hiện mà do một số người liên kết nỗ lực của mình thực hiện nhằm đạt được kết quả phạm tội”* [50. ư, 157]. Do vậy, việc xác định yếu tố đồng phạm trong định tội danh không chỉ làm rõ vị trí, vai trò cho từng đối tượng phạm tội mà còn giúp chúng ta phân biệt dấu hiệu về lượng và chất trong từng tội phạm cụ thể.

- Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội : Đây là trường hợp xâm phạm đến nhiều khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nó thường gây ra những thiệt hại rất lớn về vật chất, thể chất và tinh thần. Việc thực hiện nhiều tội phạm chứng tỏ người thực hiện tội phạm có mức độ nguy hiểm rất lớn cho xã hội. Do đó, việc xác định yếu tố phạm nhiều tội góp phần rất lớn cho hoạt động định tội danh được đúng đắn, chính xác hơn.

- Định tội danh còn dựa vào các yếu tố đó là sự cạnh tranh quy phạm pháp luật hình sự về định tội danh. Do tính đa dạng của các nguyên nhân mang tính lịch sử của việc ban hành các quy phạm pháp luật hình sự mà tổng

thể các quy phạm của phần các tội phạm BLHS không tạo thành một hệ thống mang tính logic. Do vậy, trong hệ thống này có cả các trường hợp có sự xâm nhập với nhau từng phần, sự chồng lên lẫn nhau của các quy phạm pháp luật hình sự để dẫn đến những khó khăn nhất định trong hoạt động định tội danh.

*c) Ý nghĩa của hoạt động định tội danh*

Định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, việc định tội danh đúng sẽ có ý nghĩa chính trị - xã hội, đạo đức, pháp luật rất lớn và ngược lại. Hoạt động định tội danh của các chủ thể thường theo hai xu hướng đó là: Định tội danh đúng và định tội danh sai.

- Hoạt động định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt một cách đúng đắn có căn cứ pháp luật. Việc định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong nhà nước pháp quyền như: Nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công bằng nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm, nguyên tắc trách nhiệm cá nhân, nguyên tắc trách nhiệm do lỗi. Việc định tội danh đúng là một trong các cơ sở để áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về tạm giam, thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hiệu quả cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân.

- Hoạt động định tội danh sai sẽ dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực như: không đảm bảo tính công minh, truy cứu TNHS không đúng người, đúng tội, bỏ lọt tội phạm, xâm phạm danh dự, nhân phẩm và các quyền tự do dân chủ của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Định tội danh sai làm giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế XHCN, làm ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, những vụ việc oan sai chủ yếu bắt nguồn từ việc đánh giá chứng cứ thiếu tính khách quan, thiếu thận trọng và suy diễn chủ quan.

## **2.1.2. Định tội danh tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*a) Tình hình xét xử tội phạm và tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng tại tỉnh Kon Tum từ năm 2011 – 2015:*

Cùng với cả nước, tỉnh Kon Tum sau gần 26 năm thành lập đã có sự thay đổi chuyển biến sâu sắc và toàn diện trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội. Từ một tỉnh nghèo có thu nhập thấp đến nay đã vươn lên thoát nghèo và hiện đang phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, những năm gần đây dân cư của tỉnh Kon Tum tiếp tục gia tăng, số người ở các tỉnh khác đến cư trú, làm ăn ngày một đông đúc kể từ khi đường mòn Hồ Chí Minh đi qua tỉnh được đưa vào lưu thông và khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y đưa vào hoạt động làm cho việc quản lý của chính quyền địa phương gặp không ít khó khăn, đây là điều kiện để các loại tội phạm nói chung và loại tội phạm liên quan đến khai thác quản lý bảo vệ rừng nói riêng luôn duy trì ở mức cao và ngày càng diễn biến phức tạp.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bên cạnh những thành tựu kinh tế - xã hội về nhiều mặt mà tỉnh Kon Tum đạt được, thì vẫn còn không ít những tiêu cực xảy ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đặc biệt là tình hình tội phạm diễn biến khá phức tạp, có chiều hướng gia tăng, trong đó có tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng.

Qua thực tiễn nghiên cứu tình hình xét xử tội phạm nói chung và tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng nói riêng tại địa bàn tỉnh Kon Tum (từ năm 2011 đến năm 2015, tác giả đã tổng hợp, thống kê với các số liệu như sau: ( theo báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum 2011-2015)

**Năm 2011:** Toàn hệ thống TAND tỉnh Kon Tum đã giải quyết, xét xử 592 vụ, với tổng số 1.283 bị cáo. Trong số đó, tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (KTBVR) là 60 vụ, với tổng số 150 bị cáo, tội phạm

xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (TMSK) là 134 vụ, với tổng số 259 bị cáo, tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự xã hội (TTXH) là 154 vụ, với tổng 298 bị cáo; Tội phạm liên quan đến ma túy (MT) là 32 vụ, với tổng số 47 bị cáo và các tội phạm khác là 212 vụ, với tổng số 529 bị cáo.

**Năm 2012:** Toàn hệ thống TAND tỉnh Kon Tum đã giải quyết, xét xử 450 vụ, với tổng số 941 bị cáo. Trong số đó, tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (KTBVR) là 90 vụ, với tổng số 291 bị cáo, tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (TMSK) là 127 vụ, với tổng số 264 bị cáo, tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự xã hội (TTXH) là 109 vụ, với tổng 236 bị cáo; Tội phạm liên quan đến ma túy (MT) là 25 vụ, với tổng số 48 bị cáo và các tội phạm khác là 99 vụ, với tổng số 102 bị cáo.

**Năm 2013:** Toàn hệ thống TAND tỉnh Kon Tum đã giải quyết, xét xử 658 vụ, với tổng số 1.235 bị cáo. Trong số đó, tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (KTBVR) là 100 vụ, với tổng số 328 bị cáo, tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (TMSK) là 195 vụ, với tổng số 390 bị cáo, tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự xã hội (TTXH) là 164 vụ, với tổng 296 bị cáo; Tội phạm liên quan đến ma túy (MT) là 37 vụ, với tổng số 65 bị cáo và các tội phạm khác là 162 vụ, với tổng số 156 bị cáo.

**Năm 2014:** Toàn hệ thống TAND tỉnh Kon Tum đã giải quyết, xét xử 650 vụ, với tổng số 1.337 bị cáo. Trong số đó, tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (KTBVR) là 115 vụ, với tổng số 200 bị cáo, tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (TMSK) là 100 vụ, với tổng số 305 bị cáo, tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự xã hội (TTXH) là 111 vụ, với tổng 422 bị cáo; Tội phạm liên quan đến



ma túy (MT) là 38 vụ, với tổng số 66 bị cáo và các tội phạm khác là 286 vụ, với tổng số 344 bị cáo.

**Năm 2015 :** Toàn hệ thống TAND tỉnh Kon Tum đã giải quyết, xét xử 625 vụ, với tổng số 1.400 bị cáo. Trong số đó, tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (KTBVR) là 109 vụ, với tổng số 250 bị cáo, tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (TMSK) là 130 vụ, với tổng số 337 bị cáo, tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự xã hội (TTXH) là 143 vụ, với tổng 382 bị cáo; Tội phạm liên quan đến ma túy (MT) là 44 vụ, với tổng số 63 bị cáo và các tội phạm khác là 229 vụ, với tổng số 368 bị cáo.

Từ những thông tin trên, tác giả đã tổng hợp bằng các bảng sau đây:

**Bảng 2.1. Cơ cấu tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến 2015**

STT	Nhóm tội xâm phạm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
		592	1.283	450	941	658	1.235	650	1.337	655	1.400
1	KTBVR	60	150	90	291	100	328	115	200	109	250
2	TMSK	134	259	127	264	195	390	100	305	130	337
3	TTXH	154	298	109	236	164	296	111	422	143	382
4	MT	32	47	25	48	37	65	38	66	44	63
5	Khác	212	529	99	102	162	156	286	344	229	368

**Bảng 2.2 Tỷ lệ (%) các loại tội phạm đã bị xét xử từ năm 2011 đến năm 2015**

TT	Nhóm tội xâm phạm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)	Vụ án (%)	Bị cáo (%)
1	<b>KTBVR</b>	10,13	11,69	20	30,92	15,19	26,56	17,69	14,95	16,64	17,85
2	<b>TMSK</b>	22,63	20,18	28,22	28,06	29,64	31,58	15,38	22,81	19,84	24,07
3	<b>TTXH</b>	26,01	23,22	24,22	25,08	24,92	23,97	17,07	31,56	21,83	27,28
4	<b>MT</b>	5,4	3,66	5,56	5,10	5,62	5,26	5,84	4,93	6,71	4,5
5	<b>Khác</b>	35,81	41,23	22	10,84	24,62	12,63	44	25,72	34,96	26,28

*b) Thực tiễn định tội danh vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo CTTP cơ bản tại tỉnh Kon Tum.*

Định tội danh theo cấu thành cơ bản của tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”. Đó là định tội danh theo những dấu hiệu pháp lý đặc trưng bắt buộc đối với tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS. Các dấu hiệu đặc trưng đó phản ánh bản chất của loại tội phạm và cho phép phân biệt nó với loại tội phạm khác. Tại khoản 1 Điều 175 BLHS quy định “*1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;

b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này”

Bị coi là “đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm” quy định tại khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 189 BLHS nếu trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi được liệt kê tại khoản 1 Điều 175 hoặc khoản 1 Điều 189 BLHS, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đó.

Bị coi là “đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm” quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS nếu trước đó đã bị kết án về tội phạm quy định tại Điều 175 BLHS, nhưng chưa được xoá án tích mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều này.

“Mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính” là mức tối đa thiệt hại về diện tích rừng, khối lượng lâm sản, giá trị các loại lâm sản khác được tính bằng tiền theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đối với mỗi hành vi vi phạm tại thời điểm vi phạm hoặc tại thời điểm xử lý, nếu tại thời điểm xử lý quy định mới của Chính phủ có lợi hơn cho người vi phạm.

“Thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA, IIA; động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB, IIB” là những loại thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của Chính phủ.

“Gỗ” theo điều luật này bao gồm gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dẽo.

### **Đơn vị tính để xác định thiệt hại**

- Diện tích rừng tính bằng mét vuông ( $m^2$ ).
- Khối lượng gỗ tính bằng mét khối ( $m^3$ ) quy ra gỗ tròn. Việc quy đổi từ gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp ra gỗ tròn bằng cách nhân với hệ số 1,6.
- Số lượng động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB tính bằng cá thể (con).
- Các loại lâm sản khác được tính bằng tiền Việt Nam (VNĐ).
- Khối lượng củi các loại được tính theo đơn vị ster.

### **Cách xác định thiệt hại**

- Việc đo diện tích rừng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Việc đo, tính khối lượng gỗ và lâm sản được thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Việc xác định giá trị các loại lâm sản khác được tính theo giá thị trường tại địa phương vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp tại địa phương không xác định được giá loại lâm sản đó (do loại lâm sản đó không được mua bán trên thị trường) và pháp luật không có quy định khác thì giá trị các loại lâm sản đó được xác định theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Qua khảo sát thực tế hoạt động định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với tội "*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*" quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS thấy rằng:

Về đối tượng phạm tội: Đối tượng phạm tội theo khoản 1 Điều 175 BLHS thường là người dân địa phương có rừng hoặc là người ở địa phương khác đến. Tội phạm này thường có những nhóm hoạt động có người tổ chức, cầm đầu nhóm phá rừng, chuẩn bị các công cụ phạm tội như cưa lóc, cưa

máy, dao, xe máy, xe đầu kéo vận chuyển .v.v... Đối tượng phạm tội đa số là nam giới có độ tuổi từ 16 đến 45 tuổi.

Về thời gian, địa điểm, phương pháp, thủ đoạn phạm tội: Các bị cáo thường lợi dụng vào khu rừng xa khu dân cư, lực lượng kiểm lâm mỏng (thậm chí còn cử người theo dõi hoạt động của các đơn vị kiểm lâm để chúng có kế hoạch, thời gian phạm tội). Chính vì xa dân cư, kiểm lâm không quản lý hết địa bàn nên thời gian phạm tội thường là ban ngày.

Về tính chất của tội phạm và hành vi nguy hiểm cho xã hội: Qua khảo sát ở địa phương thấy rằng những vụ vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng thường có hành vi nguy hiểm cho xã hội rất lớn, các đối tượng thực hiện gây hậu quả nghiêm trọng, số lượng gỗ và rừng bị tàn phá rất lớn. Tuy nhiên cũng có vụ vi phạm nhỏ lẻ và cũng có những hành vi mua bán trái phép lâm sản .v.v...

Định tội danh ở một số trường hợp cụ thể theo khoản 1 Điều 175 BLHS “*Khai thác trái phép cây rừng*” là một trong các hành vi sau đây:

- Khai thác cây rừng ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp pháp luật quy định việc khai thác đó chỉ được thực hiện khi đã được cấp giấy phép và giấy phép còn trong thời hạn;

- Khai thác cây rừng ngoài khu vực cho phép;

- Khai thác cây rừng không có dấu búa bài cây (bài chặt) trong các trường hợp theo quy định của pháp luật phải có dấu búa bài cây (bài chặt);

- Khai thác cây rừng vượt quá khối lượng cho phép (phần vượt quá khối lượng).

“*Hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng*” là ngoài hành vi khai thác trái phép cây rừng còn có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng.

Trường hợp khai thác trái phép rừng trồng, rừng khoanh nuôi tái sinh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao cho tổ chức, tập thể, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp mà người được giao đã bỏ vốn đầu tư trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ... thì bị xử lý như sau:

- Nếu chủ rừng khai thác cây rừng trái phép thì bị truy cứu TNHS theo quy định tại Điều 175 BLHS;

- Nếu người khai thác cây rừng trái phép mà không phải là chủ rừng thì bị truy cứu TNHS theo các điều luật tương ứng quy định tại Chương XIV “*Các tội xâm phạm sở hữu*” của BLHS.

“*Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép*” là hành vi vận chuyển, buôn bán gỗ không đúng quy định của Nhà nước (như vận chuyển gỗ không có thủ tục, buôn bán gỗ không có giấy phép kinh doanh hoặc có giấy phép nhưng đã hết hiệu lực...).

Trường hợp buôn bán, vận chuyển gỗ trái phép qua biên giới thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị truy cứu TNHS theo Điều 153 hoặc Điều 154 BLHS.

“*Gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Gây thiệt hại về lâm sản (trừ động vật rừng) từ trên mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đến hai lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính quy định cho mỗi hành vi vi phạm;

Ví dụ: Mức tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành đối với hành vi khai thác trái phép gỗ thông thường từ nhóm IV đến nhóm VIII ở rừng sản xuất là 20m<sup>3</sup>. Nếu khai thác trái phép từ trên 20m<sup>3</sup> đến 40m<sup>3</sup> là gây hậu quả nghiêm trọng.

- Khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép từ hai loại gỗ trở lên (gỗ thông thường nhóm I - III với gỗ thông thường nhóm IV - VIII; gỗ thông thường với gỗ quý, hiếm nhóm IIA) mà khối lượng của mỗi loại gỗ chưa vượt quá mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tổng khối lượng gỗ trong vụ vi phạm đó vượt quá mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đến hai lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính quy định đối với gỗ thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII quy định cho hành vi tương ứng đó;

- Khai thác gỗ quý, hiếm nhóm IA ở rừng sản xuất đến 2m<sup>3</sup>; ở rừng phòng hộ đến 1,5m<sup>3</sup>; ở rừng đặc dụng đến 1m<sup>3</sup>;

- Khai thác thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA ở rừng sản xuất có giá trị đến ba triệu đồng; ở rừng phòng hộ đến hai triệu đồng; ở rừng đặc dụng đến một triệu đồng;

- Vận chuyển, buôn bán gỗ quý, hiếm nhóm IA đến 2m<sup>3</sup>.

*c) Thực tiễn định tội danh tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo cấu thành tăng nặng tại tỉnh Kon Tum.*

Định tội danh theo cấu thành tăng nặng của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo khoản 2 Điều 175 BLHS. Ngoài ra điều luật còn quy định hình phạt bổ sung tại khoản 3 Điều 175 BLHS quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến hai mươi triệu đồng*”.

Tại khoản 2 Điều 175 BLHS quy định “*Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm*”

“*Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 175 BLHS khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Gây thiệt hại về lâm sản (trừ động vật rừng) từ trên hai lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đến bốn lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính quy định cho mỗi hành vi vi phạm.

Ví dụ: Mức tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành đối với hành vi khai thác trái phép gỗ tròn thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII ở rừng sản xuất là 20m<sup>3</sup>. Nếu khai thác trái phép từ trên 40m<sup>3</sup> đến 80m<sup>3</sup> là phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng.

- Khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép từ hai loại gỗ trở lên (gỗ thông thường nhóm I - III với gỗ thông thường nhóm IV - VIII; gỗ thông thường với gỗ quý, hiếm nhóm IIA) mà tổng khối lượng gỗ trong vụ vi phạm từ trên hai lần đến bốn lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với gỗ thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII quy định cho hành vi tương ứng đó.

- Khai thác gỗ quý, hiếm nhóm IA, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA trên mức tối đa của hậu quả nghiêm trọng được hướng dẫn tại các điểm c và d tiểu mục 1.4 mục 1 này đến hai lần mức tối đa của hậu quả nghiêm trọng tương ứng đó.

- Vận chuyển, buôn bán gỗ quý, hiếm nhóm IA trên mức tối đa của hậu quả nghiêm trọng được hướng dẫn tại điểm đ tiểu mục 1.4 mục 4 này đến hai lần mức tối đa của hậu quả nghiêm trọng tương ứng đó.

- Gây hậu quả nghiêm trọng được hướng dẫn tại tiểu mục 1.4 mục 1 này và còn thực hiện một trong các hành vi: chống người thi hành công vụ; gây thương tích cho người thi hành công vụ; đập phá nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện của cơ quan có trách nhiệm quản lý và bảo vệ rừng mà chưa đến mức bị truy cứu TNHS về tội độc lập.

*“Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng”* quy định tại khoản 2 Điều 175 BLHS khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Gây thiệt hại về lâm sản (trừ động vật rừng) trên bốn lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính quy định cho mỗi hành vi vi phạm.



- Khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép từ hai loại gỗ trở lên (gỗ thông thường nhóm I - III với gỗ thông thường nhóm IV - VIII; gỗ thông thường với gỗ quý, hiếm nhóm IIA) mà tổng khối lượng gỗ trong vụ vi phạm từ trên bốn lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với gỗ thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII quy định cho hành vi tương ứng đó.

- Khai thác gỗ quý, hiếm nhóm IA, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA trên mức tối đa của hậu quả rất nghiêm trọng;

- Vận chuyển, buôn bán gỗ quý, hiếm nhóm IA trên mức tối đa của hậu quả rất nghiêm trọng;

- Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hướng dẫn tại các điểm a, b, c, d và còn thực hiện một trong các hành vi nêu tại điểm đ tiêu mục 1.5 mục 1 này.

### **2.1.3. Khó khăn vướng mắc trong quá trình định tội danh đối với tội vi phạm quy định khai thác bảo vệ rừng.**

Nhìn chung việc định tội danh khi áp dụng điều 175 BKHS cơ bản đã được áp dụng đúng theo quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không hàm oan người vô tội. Tuy nhiên trong thực tế khi xét xử giải quyết đối với loại tội này cơ quan tiến hành tố tụng cũng gặp không ít khó khăn trong việc định tội danh, do những quy định của pháp luật: Đó là về cấu thành cơ bản của tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng tại điều 175 BLHS các hành vi khách quan là dấu hiệu của tội phạm không được mô tả một cách trực tiếp. Muốn xác định hành vi khách quan để định tội đối với điều 175 BLHS phải dựa vào văn bản hướng dẫn dưới luật. Đối với hành vi khách quan được liệt kê không phải cứ đủ các dấu hiệu mô tả là phạm tội, mà các hành vi nêu trên kèm theo các tình tiết về hậu quả. Thực tế cho thấy để thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội sử dụng nhiều phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện khác nhau. Đó có thể là phương tiện cơ giới, thủ công....Trong

nhiều năm qua thủ đoạn phạm tội cũng như các biểu hiện khác nhau của các hành vi khách quan đã có nhiều thay đổi theo hướng ngày càng tinh vi hơn, làm cho việc đấu tranh với loại tội phạm này gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong quá trình định tội danh đối với điều 175 BLHS.

Việc xác định hành vi có phải là phạm tội vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng hay không? Trong trường hợp đã gây thiệt hại nhưng chưa đủ mức định lượng theo quy định còn có thể dựa vào các dấu hiệu khác đó là: Gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Việc đánh giá hành vi khách quan của tội phạm cần phải có sự thận trọng, đặc biệt là hành vi chưa quy định về định lượng. Việc xác định thế nào là gây hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, cần phải có sự đánh giá tổng quát nhiều yếu tố tránh tình trạng phiến diện áp đặt dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm hoặc truy cứu người không phạm tội.

**Tóm lại:** Qua thực tế thấy rằng về các dấu hiệu của hành vi khách quan được mô tả trong điều 175 BLHS còn nhiều vấn đề chưa được cụ thể rõ ràng. Có sự chồng chéo giữa văn bản luật và văn bản hướng dẫn dưới luật thiếu sự đồng nhất tạo nhiều cách hiểu khác nhau, khó vận dụng trong thực tiễn khi định tội đối với loại tội phạm này.

## **2.2. Quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng**

### **2.2.1. Cơ sở lý luận của quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng**

#### *a) Quyết định hình phạt và các đặc điểm của quyết định hình phạt*

Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn hình phạt buộc người bị kết án phải chấp hành. Ở nước ta, cho tới nay vẫn chưa có một văn bản pháp luật hình sự nào xác định khái niệm quyết định hình phạt. Trong khoa học

pháp lý hình sự đã có khá nhiều tác giả đưa ra khái niệm quyết định hình phạt. Đa số các tác giả cho rằng: *“Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt cụ thể bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung với mức độ cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng cho người phạm tội”* [9].

Khi bàn về khái niệm quyết định hình phạt, nhiều tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, nên coi miễn hình phạt thuộc về giai đoạn quyết định hình phạt. Điều 54 BLHS quy định như sau: *“ Người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật này, đang được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn TNHS”*. Như vậy, miễn hình phạt là không buộc người phạm tội phải chịu hình phạt về tội mà người đó đã phạm. Miễn hình phạt, nó thuộc về giai đoạn quyết định hình phạt, nó được thực hiện sau khi toà án đã xác định xong tội danh và là bước đầu của quá trình xác định hình phạt. Đối với trường hợp miễn TNHS, cũng nên coi thuộc về giai đoạn quyết định hình phạt bởi những lý do sau: Miễn TNHS là không buộc người phạm tội phải chịu TNHS về tội họ đã phạm. Miễn TNHS được thực hiện sau khi Tòa án đã xác định xong tội danh cho nên không thể thuộc về giai đoạn định tội danh. Trên cơ sở tội danh bị cáo đã phạm, Tòa án sẽ xem xét, nếu thấy không cần thiết phải truy cứu TNHS đối với bị cáo mà vẫn đảm bảo được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm thì Tòa án sẽ tuyên bố miễn TNHS cho bị cáo. Miễn TNHS thuộc về giai đoạn đầu của việc xác định chế tài hình sự đối với người phạm tội. Cho nên coi miễn TNHS thuộc về quyết định hình phạt.

Hoạt động quyết định hình phạt có các đặc điểm:

- Quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án (HĐXX) được thực hiện sau khi đã xác định xong tội danh;

- Quyết định hình phạt do Tòa án thực hiện trên cơ sở quy định của BLHS;

- Nội dung của quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì quyết định hình phạt bao gồm xác định khung hình phạt (có thể) và hình phạt cụ thể cho bị cáo;

- Quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân người đã có hành vi phạm tội;

Từ những cơ sở phân tích trên, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án (HĐXX) được thực hiện sau khi đã xác định được tội danh để định ra biện pháp xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện. Nội dung của hoạt động quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì hoạt động quyết định hình phạt bao gồm việc xác định khung hình phạt và việc xác định hình phạt cụ thể trong phạm vi luật cho phép đối với bị cáo.

Quyết định hình phạt đúng có ý nghĩa quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, thể hiện:

*Thứ nhất:* quyết định hình phạt đúng là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả của hình phạt. Hiệu quả của hình phạt là mức độ đạt được mục đích của hình phạt đối với người bị kết án. Hiệu quả của hình phạt phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau như: Xây dựng pháp luật hình sự, quyết định hình phạt, chấp hành hình phạt, công tác tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật cho công dân. Trong các yếu tố đảm bảo và nâng cao hiệu quả của hình phạt nói trên thì quyết định hình phạt là yếu tố quan trọng nhất. Việc xây dựng hệ thống pháp luật hình sự hoàn thiện chỉ có ý nghĩa khi quyết định hình phạt đúng trong thực tế. Nếu hình phạt được áp dụng không tương xứng với tính

chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì sẽ làm cho người bị kết án không thấy được tính đúng đắn của bản án và từ đó không tích cực lao động cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội; cũng như gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng tới niềm tin của quần chúng nhân dân đối với pháp luật, không động viên được quần chúng tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và như vậy hiệu quả của hình phạt không được đảm bảo.

*Thứ hai:* quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý đầu tiên để đạt được mục đích của hình phạt. Điều 27 BLHS quy định "*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và nguyên tắc của cuộc sống XHCN, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm*". Như vậy mục đích của hình phạt luôn có hai mặt: Trừng trị và giáo dục. Trừng trị và giáo dục là hai mặt có liên quan mật thiết với nhau, khi quyết định hình phạt Tòa án không được đề cao hay xem nhẹ mặt nào. Nếu xem nhẹ mục đích giáo dục thì sẽ dẫn đến quyết định hình phạt đã tuyên là không thỏa đáng đối với bị cáo từ đó họ sẽ không cố gắng tích cực lao động cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội. Ngược lại, nếu xem nhẹ mục đích trừng trị thì sẽ dẫn tới việc quyết định hình phạt quá nhẹ hoặc quá nặng không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả là người phạm tội sẽ coi thường pháp luật, còn quần chúng nhân dân sẽ thiếu tin tưởng vào pháp luật của Nhà nước.

*Thứ ba:* quyết định hình phạt đúng góp phần củng cố pháp chế và trật tự pháp luật XHCN. Để quyết định hình phạt đúng đối với người phạm tội đòi hỏi Tòa án phải nhận thức sâu sắc cũng như tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về quyết định hình phạt và các quy định khác có liên quan. Hình phạt mà

Tòa án tuyên cho người phạm tội phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Mặt khác, hình phạt đã tuyên thỏa đáng sẽ làm cho người bị kết án thấy được tính chất sai trái của hành vi của mình cũng như sự cần thiết của bản án đã tuyên cho họ, từ đó tự giác tuân thủ pháp luật; đồng thời hình phạt đã tuyên thỏa đáng sẽ đủ sức răn đe trong xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước. Hơn nữa, việc Tòa án tuyên mức hình phạt thỏa đáng cho người phạm tội sẽ có tác dụng giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân thấy được sự nghiêm minh của luật pháp để tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

*b) Các nguyên tắc của hoạt động quyết định hình phạt*

Việc quyết định hình phạt không chỉ tuân thủ các nguyên tắc của Luật Hình sự nói chung mà còn phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù cho việc quyết định hình phạt, các nguyên tắc quyết định hình phạt.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, các nguyên tắc quyết định hình phạt không được ghi nhận chính thức trong BLHS mà được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự. Các nguyên tắc quyết định hình phạt là một nội dung quan trọng của chính sách hình sự của Nhà nước ta và có ý nghĩa rất lớn trong việc quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Nhận thức đúng các nguyên tắc quyết định hình phạt sẽ tạo tiền đề để quyết định hình phạt được đúng đắn. Sự khác nhau giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt với các nguyên tắc của Luật Hình sự chủ yếu là mức độ cụ thể hóa và tính đặc trưng. Cụ thể là các nguyên tắc quyết định hình phạt có tính cụ thể hóa cao hơn (chỉ định hướng cho việc quyết định hình phạt). Còn các nguyên tắc của Luật hình sự định hướng chung cho việc xây dựng và áp dụng Luật hình sự và đặc trưng cho mọi chế định của Luật hình sự.

Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy có những đặc điểm riêng đặc trưng cho quá trình quyết định hình phạt nhưng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của Luật hình sự. Các nguyên tắc này vừa có tính độc lập tương đối vừa có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau, đan xen nhau định hướng cho Tòa án quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội.

Mặt khác, cũng cần phân biệt các nguyên tắc quyết định hình phạt với các căn cứ. Các căn cứ quyết định hình phạt là những cơ sở pháp lý mà Tòa án phải dựa vào đó quyết định hình phạt được đúng đắn. Trong Luật hình sự Việt Nam, các căn cứ quyết định hình phạt được qui định trực tiếp trong Điều 45 BLHS. Đó là những căn cứ các quy định của BLHS, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Còn các nguyên tắc quyết định hình phạt chỉ là những tư tưởng chỉ đạo mà Tòa án phải tuân thủ khi áp dụng các qui định của Luật hình sự để quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt có mối liên hệ mật thiết với nhau. *“Các nguyên tắc quyết định hình phạt tồn tại ở các mặt này hay các mặt khác của các căn cứ quyết định hình phạt. Những căn cứ quyết định hình phạt là những biểu hiện, đòi hỏi cụ thể của các nguyên tắc quyết định hình phạt”*. [44]

Ở nước ta hiện nay, trong khoa học Luật hình sự có nhiều quan điểm khác nhau trong việc xác định các nguyên tắc quyết định hình phạt. Tuy nhiên, đa số các tác giả cho rằng các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm bốn nguyên tắc: Nguyên tắc pháp chế XHCN trong quyết định hình phạt; Nguyên tắc nhân đạo XHCN trong quyết định hình phạt; Nguyên tắc cá thể

hóa hình phạt trong quyết định hình phạt và nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt.

Khi xem xét các nội dung cụ thể của bốn nguyên tắc của Quyết định hình phạt, có thể nhận định rằng các nguyên tắc quyết định hình phạt là các nguyên tắc đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt, định hướng cho hoạt động của Tòa án để quyết định hình phạt đúng đắn với người phạm tội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy có tính đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt nhưng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của Luật hình sự. Cùng với các nguyên tắc của Luật hình sự, các nguyên tắc quyết định hình phạt có ý nghĩa lớn không những trong việc quyết định hình phạt nói riêng mà còn có ý nghĩa trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

#### *c) Các căn cứ của quyết định hình phạt*

Các nguyên tắc quyết định hình phạt chỉ là những tư tưởng chỉ đạo, định hướng chung cho Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội được đúng đắn. Đề tạo điều kiện cho việc quyết định hình phạt được đúng thì công tác xây dựng luật phải cụ thể trong Luật hình sự các nguyên tắc quyết định hình phạt thành các căn cứ quyết định hình phạt cụ thể, trên cơ sở đó hình phạt sẽ được quyết định.

Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng “*Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do Luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có buộc Tòa án phải tuân thủ khi quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm*”

Qua nghiên cứu, tác giả thống nhất với quan điểm này vì các căn cứ của quyết định hình phạt ngoài việc phải được quy định trong pháp luật hình sự thì còn có thể do giải thích pháp luật mà có buộc Tòa án phải tuân theo khi quyết định hình phạt. Vì như vậy sẽ đảm bảo việc áp dụng hình phạt cho bị



cáo không những đáp ứng được sự chặt chẽ, chính xác trên cơ sở quy định của BLHS, việc tuân thủ các quy định hình phạt của Tòa án có tính chất bắt buộc mà còn có thể áp dụng thống nhất trong đường lối xử lý một số loại án nhất định của Tòa án. Nếu việc quyết định hình phạt không được tuân thủ chặt chẽ các căn cứ quyết định hình phạt thì không những vi phạm pháp chế nghiêm trọng mà còn đưa đến hậu quả là hình phạt đã tuyên không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và như vậy, mục đích của hình phạt trong trường hợp này không thể đạt được. Chính việc tuân thủ chặt chẽ các căn cứ quyết định hình phạt sẽ tạo khả năng cho Tòa án có thể quyết định hình phạt được đúng đắn đối với người phạm tội, đảm bảo hình phạt đã tuyên đạt được mục đích của hình phạt. Như vậy, có thể rút ra các căn cứ quyết định hình phạt có những đặc điểm sau:

- Việc tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt của Tòa án có tính chất bắt buộc vì nó là cơ sở pháp lý để Tòa án quyết định hình phạt đúng;

- Tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt tạo khả năng đạt được mục đích của hình phạt.

Nhìn chung, hai quan điểm nói trên tương đối hợp lý vì đã chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của các căn cứ quyết định hình phạt. Tuy nhiên, các quan điểm nói trên chưa chỉ ra được việc qui định các căn cứ quy định hình phạt. Căn cứ quyết định hình phạt bao gồm các căn cứ cụ thể như sau:

#### **Căn cứ thứ nhất: Căn cứ vào quy định của bộ luật hình sự**

Khi quyết định hình phạt, trước hết Tòa án phải dựa vào các quy định của BLHS, tức là phải căn cứ vào quy định của cả phần chung và phần các tội phạm của BLHS có liên quan đến tội phạm mà người bị kết án đã phạm. Vì vậy, chỉ quyết định hình phạt khi đã có đủ căn cứ xác định một người đã phạm vào một tội mà BLHS quy định, tức là phải định tội trước rồi mới quyết

định hình phạt sau. Khi đã xác định được tội danh cho một hành vi phạm tội, thì phải xác định tội phạm đó được quy định ở điều nào, khoản nào của BLHS từ đó đối chiếu vào các quy định của phần chung và phần tội phạm xem có những quy định nào liên quan đến tội phạm do người phạm tội thực hiện hay không?

Khi quyết định hình phạt, trước hết Tòa án phải căn cứ vào quy định của BLHS để lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể áp dụng cho người phạm tội, theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì cho rằng: *"Các quy định của BLHS bao gồm tất cả các quy định trong BLHS như quy định về lỗi, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, quy định về các dấu hiệu pháp lý của tội phạm cụ thể..."*

Những quy định của BLHS liên quan đến quyết định hình phạt bao gồm:

- Những quy định về từng loại hình phạt: Đó là những quy định về hệ thống hình phạt (Điều 28 BLHS); Những quy định về nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng hình phạt (từ Điều 29 đến Điều 40 BLHS). Những quy định trên không những là cơ sở pháp lý cho việc xây dựng các quy định về quyết định hình phạt, các khung hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng cho các tội phạm cụ thể mà là cơ sở giúp cho Tòa án dựa vào đó để có thể quyết định hình phạt đúng trong thực tế. Do vậy, hình phạt cụ thể Tòa án tuyên cho bị cáo không chỉ phải thuộc phạm vi khung hình phạt áp dụng cho tội phạm cụ thể (hoặc dưới mức tối thiểu của khung) mà còn không được trái với những quy định trên.

- Những quy định về quyết định hình phạt. Đó là các quy định về nguyên tắc xử lý (Điều 3 BLHS); Mục đích hình phạt (Điều 27 BLHS); Căn cứ quyết định hình phạt (Điều 45 BLHS); Các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46 BLHS); Quyết định hình phạt trong trường hợp nhẹ hơn quy định của Bộ

luật (Điều 47 BLHS); Các tình tiết tăng nặng TNHS (Điều 48 BLHS); Tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 49 BLHS); Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 50 BLHS); Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 51 BLHS); Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 52 BLHS); Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Điều 53 BLHS)... Những quy định nêu trên là cơ sở pháp lý để Tòa án có thể quyết định hình phạt chính xác đối với người phạm tội trong từng trường hợp phạm tội cụ thể.

Căn cứ vào quy định của BLHS khi quyết định hình phạt còn được thể hiện ở chỗ, Tòa án chỉ được áp dụng một trong các hình phạt chính đã được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLHS. Ngoài hình phạt chính, Tòa án có thể áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 28 BLHS. Tòa án phải áp dụng đúng khung hình phạt, đúng loại hình phạt và không được phạt cao hơn mức cao nhất của khung hình phạt đã quy định. Căn cứ vào các quy định của BLHS là căn cứ quan trọng nhất, thể hiện nguyên tắc pháp chế XHCN khi quyết định hình phạt, quyết định hình phạt mà không căn cứ vào các quy định của BLHS sẽ làm cho bản chất hình phạt thay đổi, mục đích của hình phạt không đạt được, dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật; bản án của Tòa án đã tuyên chẳng những không đúng về pháp luật, mà còn không được dư luận nhân dân đồng tình gây ra hậu quả nghiêm trọng khác.

**Căn cứ thứ hai: Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.**

Nói chung, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã được nhà làm luật xác định để làm căn cứ phân loại tội phạm, xác định khung hình phạt cho từng tội phạm. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội phụ thuộc vào tất cả các yếu tố CTTTP, bởi vì tội

phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nếu hành vi đó tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm (Khoản 4 Điều 8 BLHS). Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhà làm luật chia tội phạm ra làm bốn loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Việc quy định tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là căn cứ quyết định hình phạt sẽ giúp cho Tòa án có thể tuyên hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã nêu trên thực tế. Do vậy, nếu như dựa vào căn cứ thứ nhất - *“Các quy định của BLHS”*, Tòa án chỉ mới xác định được phạm vi hình phạt áp dụng cho người phạm tội thì khi dựa vào căn cứ thứ hai- *“Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội”*, Tòa án có thể lựa chọn hình phạt cụ thể tuyên cho người phạm tội. Vì vậy, xét về mối liên hệ giữa hai căn cứ này thì rõ ràng căn cứ thứ nhất tạo cơ sở để Tòa án có thể thực hiện được việc lựa chọn một hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phạm vi hình phạt đó.

Quyết định hình phạt là việc lựa chọn loại hình phạt cụ thể với mức hình phạt cụ thể trong khung hình phạt cho phép. Theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì cho rằng khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. *“Bởi vì, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được nhà làm luật cân nhắc và thể hiện khi quy định tội phạm, quy định chế tài và khung chế tài đối với tội phạm. Do vậy, tất yếu trong quá trình xây dựng luật cũng quy định là khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc cả tính chất lẫn mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện ”*. [30].

Tác giả đồng ý với quan điểm này vì căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của việc quyết định hình phạt thực chất chỉ là mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Bởi vì khi xây

dựng loại và mức hình phạt cho từng tội trong mỗi Chương và các khung hình phạt cho tội phạm đó cũng như khi xây dựng hình phạt cho các nhóm tội ở các Chương khác nhau, nhà làm luật đã chủ yếu dựa vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm đó trong đó có xét đến mối tương quan về tính nguy hiểm của tội đó so với các loại tội phạm khác. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cần căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội phụ thuộc vào tính chất quan trọng của khách thể bị xâm phạm, vào hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, vào lỗi, mục đích, động cơ của người phạm tội, vào các tình tiết liên quan đến nhân thân người phạm tội. Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong một khung hình phạt còn phụ thuộc vào tính chất và mức độ lỗi của hành vi phạm tội do người phạm tội thực hiện. Cùng là lỗi cố ý, nhưng nếu là lỗi cố ý trực tiếp thì nguy hiểm hơn lỗi cố ý gián tiếp; cùng là lỗi cố ý trực tiếp nhưng sự quyết tâm phạm tội của người phạm tội cao nguy hiểm hơn người không có ý thức quyết tâm phạm tội đến cùng; Cùng là vô ý nhưng vô ý vì quá tự tin nguy hiểm hơn vô ý vì cầu thả. Ngoài ra có thể xem xét đến các hình thức lỗi khác để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội như: Cố ý có chủ mưu nguy hiểm hơn cố ý đột xuất, cố ý xác định nguy hiểm hơn cố ý không xác định.

### **Căn cứ thứ ba: Đặc điểm nhân thân người phạm tội.**

Nhân thân người phạm tội là toàn bộ các yếu tố về tự nhiên và xã hội có liên quan đến người phạm tội bao gồm: Tuổi đời, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hóa... Để đảm bảo hình phạt đã tuyên phù hợp với khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội thì Tòa án phải dựa vào căn cứ tiếp

theo là nhân thân người phạm tội. Bởi vì nhân thân người phạm tội không chỉ phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà còn phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như hoàn cảnh đặc biệt của họ. Hình phạt đã tuyên cho bị cáo không những phải tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện trên thực tế mà còn phải phù hợp với khả năng cải tạo, giáo dục của bị cáo và cũng phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của họ. Do vậy, việc quy định nhân thân người phạm tội là một căn cứ quyết định hình phạt cần thiết bởi việc quy định căn cứ này không nhằm hướng dẫn Tòa án đánh giá đúng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà còn giúp Tòa án quyết định hình phạt phù hợp với khả năng cải tạo giáo dục của bị cáo cũng như hoàn cảnh đặc biệt của họ.

Trong một số trường hợp, các yếu tố về nhân thân người phạm tội được nhà làm luật quy định là yếu tố loại trừ TNHS, yếu tố miễn hình phạt, yếu tố định tội, định khung hình phạt hoặc quy định là tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng TNHS, cụ thể quy định tại khoản 2 điều 12, khoản 1 điều 13, khoản 2 điều 22, khoản 5 điều 69 BLHS ... Trong trường hợp nhân thân người phạm tội chưa được quy định là yếu tố loại trừ TNHS, yếu tố miễn hình phạt, yếu tố định tội, định khung hình phạt hoặc quy định là tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng TNHS, thì khi quyết định hình phạt Tòa án phải xem xét để áp dụng một hình phạt tương xứng. Vì vậy nó có ý nghĩa là một căn cứ để quyết định hình phạt, Tòa án phải xem xét cả mặt tốt, mặt xấu, đồng thời phải đánh giá được khả năng phát triển nhân cách của họ, khả năng cải tạo cũng như các vấn đề ảnh hưởng đến quá trình cải tạo của họ để họ trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét nhân thân người phạm tội thì cần phân biệt giữa nhân thân người phạm tội theo nghĩa của Luật hình sự với nhân thân người phạm tội theo nghĩa của tội phạm học. Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt

của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của họ. Theo nghĩa tội phạm học thì khái niệm nhân thân người phạm tội được hiểu theo nghĩa rộng hơn. Theo nghĩa này thì nhân thân người phạm tội được hiểu là tổng hợp những đặc điểm, những dấu hiệu, những đặc tính quan trọng thể hiện bản chất xã hội của con người vi phạm pháp luật hình sự, các đặc điểm ấy kết hợp với các điều kiện và yếu tố khác đã ảnh hưởng đến cách xử sự chống đối xã hội của người đó. Một số dấu hiệu thuộc về nhân thân người phạm tội theo nghĩa tội phạm học không có trong nhân thân người phạm tội theo nghĩa của Luật hình sự như những dấu hiệu thể hiện vị trí, vai trò xã hội của người phạm tội, thái độ của người phạm tội đối với chính bản thân mình. Chính vì vậy, nhân thân người phạm tội theo nghĩa tội phạm học có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội để từ đó giúp cho việc phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

#### **Căn cứ thứ tư: Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự**

Theo quy định tại điều 45 BLHS, thì khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, mà còn phải căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS cũng là một trong những căn cứ quyết định hình phạt.

Trong hoạt động quyết định hình phạt, nếu Tòa án có thể tự xác định các tình tiết giảm nhẹ TNHS thì đối với các tình tiết tăng nặng TNHS, Tòa án không được phép tự xác định chỉ những tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS mới được xem là các tình tiết tăng nặng TNHS. Quy định này được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc có lợi cho bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Từ sự phân tích ở trên, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, các tình tiết tăng nặng TNHS là những tình tiết được quy định trong BLHS phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt nhất định.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS có ý nghĩa quan trọng trong áp dụng Luật hình sự. Việc quy định các tình tiết này là căn cứ quyết định hình phạt không chỉ hướng dẫn cho các Tòa án đánh giá chung mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội để từ đó tuyên một hình phạt phù hợp mà còn đảm bảo việc áp dụng thống nhất các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS trong phạm vi cả nước, góp phần hạn chế tình trạng tùy tiện trong áp dụng pháp luật. Đồng thời việc quy định các tình tiết này trong BLHS góp phần củng cố pháp chế XHCN cũng như làm cho công dân thấy rõ chính sách hình sự của Nhà nước ta là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng để từ đó tích cực tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, trong công tác xét xử, việc nhận thức và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS vẫn còn nhiều sai sót. Do vậy, để quyết định hình phạt đúng, Tòa án phải nắm vững một số điểm cơ bản sau đây:

- Tội danh và khung hình phạt phải được xác định trước, sau đó mới cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS; Một tình tiết đã được sử dụng là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được vận dụng là tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS.

- Từng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS không có ý nghĩa như nhau đối với mọi tội phạm và đối với mọi trường hợp phạm tội cụ thể.

- Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS phải được đánh giá tổng hợp trong mối liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án.



- Hầu hết các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS mới chỉ được nêu một cách khái quát mà chưa được mô tả cụ thể (trừ tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm được quy định tại Điều 49 BLHS năm 1999). Do vậy, khi xác định nội dung một số tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS khác để quyết định hình phạt, Tòa án bắt buộc phải dựa vào một số điều luật phân chung có liên quan.

Đối với những vụ án có tình tiết giảm nhẹ vừa có cả tình tiết tăng nặng TNHS thì những tình tiết này không những cần được đánh giá riêng lẻ mà còn cần được đánh giá một cách toàn diện trong mối liên hệ biện chứng và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, đồng thời phải xem xét hoàn cảnh, thời gian, không gian xảy ra vụ án. Trên cơ sở đó, Tòa án xác định giá trị pháp lý của từng tình tiết để làm giảm hay tăng mức hình phạt trong giới hạn của khung hình phạt hoặc xuống dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

### **2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Qua thực tiễn hoạt động quyết định hình phạt tại tỉnh Kon Tum tác giả thấy rằng, trong tổng số các vụ án vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng đã bị xét xử tại tỉnh Kon Tum trong 05 năm từ 2011 đến 2015 (với 474 vụ và 1.219 bị cáo) đã được xét xử thì hầu hết các vụ án vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng đều được các cơ quan có thẩm quyền xác định đúng tội danh và quyết định hình phạt phù hợp được nhân dân đồng tình.

*a) Quyết định hình phạt đối với người phạm tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng theo khoản 1 Điều 175 BLHS.*

Khoản 1 Điều 175 BLHS quy định: “1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo

*không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này; b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này.”*

Từ những quy định trên, thấy rằng định lượng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS là từ: “*phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm*”. Như vậy có nghĩa là mức cao nhất của khung hình phạt là ba năm tù. Như vậy, tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng được quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS là loại tội phạm ít nghiêm trọng (theo Điều 8 BLHS). Qua khảo sát từ thực tiễn của tỉnh Kon Tum, thấy rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng khá đầy đủ các quy định của BLHS, các văn bản hướng dẫn cụ thể để làm căn cứ quyết định hình phạt một cách hiệu quả. Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hành vi phạm tội cụ thể mà quyết định khung hình phạt tương ứng. Đối với khoản 1 Điều 175 BLHS, tại tỉnh Kon Tum cung độ hình phạt của khoản này tập trung nhiều nhất trong khoản từ 6 tháng đến 18 tháng tù giam, cũng có một vài trường hợp hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù trở lên vẫn có nhưng chiếm tỷ lệ rất ít. Qua khảo sát tại tỉnh Kon Tum thì thấy các vụ án vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã được xét xử thì đa số rơi vào khoản 1 Điều 175, tài sản phạm tội có giá trị nhỏ, tính nguy hiểm cho xã hội không cao và quan trọng hơn là các đối tượng phạm tội tại khoản 1 Điều 175 BLHS thường có nhân thân tốt, đã khắc phục được hậu quả thiệt hại vật chất gây ra do vậy việc quyết định hình phạt thường cũng theo xu hướng giảm nhẹ hơn so với mức độ, hành vi phạm tội đã gây ra trên thực tế và trong một số trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm

thường xử các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ.

Ví dụ: Theo bản án hình sự sơ thẩm số 46/2015/HSST ngày 15/12/2015 của TAND tỉnh Kon Tum thì nhận được tin báo của người dân, vào khoảng 16 giờ ngày 12/8/2014, tại khu vực ngã ba Cây Cối, thuộc xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum, Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy phối hợp với Đội kiểm lâm cơ động của Chi cục Kiểm lâm tỉnh KonTum, Công an huyện Sa Thầy và chính quyền xã Ya Tăng đã kiểm tra, phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 98K-4547 đang vận chuyển gỗ trái phép. Lúc này, hai đối tượng trên xe đã bỏ trốn nên lực lượng liên ngành đưa xe ô tô về trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy để kiểm đếm số lượng gỗ và xác định được trên xe có 38 lóng gỗ tròn thuộc các nhóm III, V, VI, VII, VIII với tổng khối lượng là  $23,534m^3$ , không có dấu búa kiểm lâm. Đến ngày 26/8/2014, Lê Quốc Cường đã đến Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy trình diện và khai nhận mình là người đã điều khiển xe ô tô chở gỗ trái phép nêu trên.

Quá trình điều tra đã xác định như sau: Sáng ngày 12/8/2014, Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1991; trú tại: Thôn Đại Tiến, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương), Mai Tư Duy (sinh năm 1988; trú tại: Tổ 5, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh) và Cao Văn Chung (sinh năm 1992; trú tại: Tổ 2, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh) đến nhà Lê Quốc Cường thuê bị cáo chở gỗ từ xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy về thành phố KonTum và được Cường đồng ý. Sau đó, theo sự chỉ dẫn của Tuấn, Duy và Chung, Cường điều khiển xe ô tô biển số 98K-4547 cùng với phụ xe là một người tên Hải (không rõ lai lịch, địa chỉ) đi đến khu vực ngã ba Cây Cối, thuộc xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy để bốc gỗ lên xe tại hai vị trí có tọa độ: X=0525494, Y=1575510 và X=0525266, Y=1575510. Sau khi bốc gỗ lên xe, Cường điều khiển xe ô tô đi trên Tỉnh lộ 675A chạy về hướng

thành phố KonTum. Nhưng khi đi được khoảng 04km thì bị lực lượng liên ngành bắt giữ.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn Tuấn, Mai Tư Duy và Cao Văn Chung: Lời khai ban đầu của Duy, Tuấn và Chung tại Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy xác nhận họ là những người mua gỗ của những người dân địa phương (không xác định được tên tuổi, địa chỉ) có tính chất riêng lẻ, độc lập. Mỗi người mua khoảng hơn 06m<sup>3</sup> rồi cùng thuê xe của Lê Quốc Cường chở về thành phố KonTum. Bởi vậy, không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn Tuấn, Mai Tư Duy và Cao Văn Chung. Mặt khác, hiện nay cả 03 đối tượng đều đã bỏ trốn khỏi địa phương chưa xác định được họ đã đi đâu nên chưa thể xử lý hành chính. Riêng đối tượng tên Hải là phụ xe của Lê Quốc Cường: Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch, địa chỉ. Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Quốc Cường đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân.

Tại Bản cáo trạng số 29/KSĐT-KT ngày 29/10/2015 của VKSND tỉnh KonTum truy tố Lê Quốc Cường về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2015/HSST ngày 15/12/2015 của TAND tỉnh Kon Tum tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc Cường phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Lê Quốc Cường 16 (mười sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (ba mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (15/12/2015).

Qua quá trình nghiên cứu bản án này, ta thấy rằng hoạt động quyết định hình phạt của các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương đã áp dụng đầy đủ các quy định của BLHS, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, xem xét phân loại hành vi phạm tội của từng bị cáo để quyết định một mức hình

phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

b) *Quyết định hình phạt đối với người phạm tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng theo khoản 2 Điều 175 BLHS.*

Khoản 2 Điều 175 BLHS quy định: *“Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.*

Từ quy định trên và thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng theo khoản 2 Điều 175 BLHS thấy rằng hình phạt quy định là từ *“hai năm đến mười năm”*. Như vậy mức cao nhất của khung hình phạt này là mười năm tù. Cho nên tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng quy định tại khoản 2 Điều 175 BLHS là loại tội phạm rất nghiêm trọng (Theo Điều 8 BLHS).

Khảo sát việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 175 BLHS tại tỉnh Kon Tum thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tội phạm thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành cơ bản.

Ví dụ: Theo bản án hình sự sơ thẩm số 26/2015/HSST ngày 12/8/2015 của TAND tỉnh Kon Tum: Tháng 9/2011, Phạm Huy Tuấn có địa chỉ tại thôn Thắng Lợi, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai thỏa thuận với Nguyễn Văn Hảo và Dương Đức Mỹ (đều trú tại Từ Sơn, Bắc Ninh) về việc Phạm Huy Tuấn làm trung gian tìm mua gỗ có đủ hồ sơ lâm sản, vận chuyển bằng tàu hỏa đến ga Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cho Nguyễn Văn Hảo và Dương Đức Mỹ, tiền thù lao là 10.000.000 đồng đối với mỗi toa tàu.

Để thực hiện thỏa thuận, Phạm Huy Tuấn đã mua 28,134m<sup>3</sup> gỗ hương xẻ của Phan Ngọc Thành, là chủ DNTN Phan Ngọc Thành có địa chỉ tại Khu phố 2, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên; mua 13,237m<sup>3</sup> gỗ hương xẻ của Đặng Văn Mãng, cơ sở mộc dân dụng Thế Quang có địa chỉ tại

thôn Phú Lương, xã Tân Hòa Đông, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Các doanh nghiệp này xuất hoa đơn ghi tên người mua là Dương Đức Mỹ và lập lý lịch gỗ cung cấp cho Phạm Huy Tuấn.

Ngày 07/10/2011, Phạm Huy Tuấn đến ga Diêu Trì (tỉnh Bình Định) và thông qua Huỳnh Văn Châu (tự quản tại ga Diêu Trì) làm thủ tục thuê tàu vận chuyển gỗ đến ga Từ Sơn cho Dương Đức Mỹ. Dương Đức Mỹ đã nhận bàn giao 02 toa tàu chở gỗ này tại ga Từ Sơn, nhưng chưa kiểm đếm gỗ thì bị Đoàn kiểm tra liên ngành tạm giữ. Do không có hồ sơ lâm sản xuất trình cho Đoàn kiểm tra nên Phạm Huy Tuấn đã liên hệ với ông Phan Ngọc Thành và ông Đặng Văn Mãng thông báo bị mất lý lịch gỗ và đề nghị ông Thành, ông Mãng cấp lại bản lý lịch gỗ khác. Phan Ngọc Thành và Đặng Văn Mãng không lưu bản lý lịch gỗ đã bán nên chỉ cung cấp cho Tuấn các mẫu lý lịch gỗ để trông phần nội dung nhưng có đóng dấu xác nhận của DNTN Phan Ngọc Thành, Cơ sở Mộc dân dụng Thế Quang. Sau đó Phạm Huy Tuấn gặp Nguyễn Văn Hảo, thông báo cho Hảo biết số gỗ trên có đầy đủ hồ sơ, nhưng lý lịch gỗ bị mất nên phải lập lại; Tuấn cung cấp số liệu và cung Hảo kê khai chủng loại, số lượng, kích thước gỗ vào mẫu lý lịch trông, sau đó đưa cho Dương Đức Mỹ xuất trình với Đoàn kiểm tra liên ngành. Bộ lý lịch gỗ này thể hiện số lượng gỗ là 41,371m<sup>3</sup> gỗ hương xẻ, không phù hợp với gỗ thực tế vận chuyển.

Kết quả giám định gỗ của Phạm Huy Tuấn trên 02 toa tàu số 131865 và 231652 là: 0,280m<sup>3</sup> gỗ hương tròn, 41,924m<sup>3</sup> gỗ hương xẻ.

Quá trình điều tra xác định bộ lý lịch gỗ do Dương Đức Mỹ xuất trình cho Đoàn kiểm tra liên ngành được lập, hợp thức sau, không phù hợp với gỗ thực tế; Phạm Huy Tuấn không được xuất trình được hồ sơ lâm sản hợp pháp được Tuấn sử dụng khi mua, vận chuyển 0,280m<sup>3</sup> gỗ hương tròn, 41,924m<sup>3</sup> gỗ hương xẻ nêu trên.

Theo kết quả tính toán của Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đối với khối lượng và tổng khối lượng gỗ được quy tròn theo Nghị định 99/2009/NĐ-CP ngày 02/11/2009 của Chính phủ thì tổng khối lượng gỗ mà Phạm Huy Tuấn đã vận chuyển trái phép quy tròn là 76,358m<sup>3</sup>, gỗ nhóm IIA, là vượt mức tối đa xử phạt hành chính.

Tại bản cáo trạng số 09/VKSTC-V2 ngày 06/4/2015 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố Phạm Huy Tuấn về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” quy định tại khoản 2 Điều 175 BLHS. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2015/HSST ngày 12/8/2015 của TAND tỉnh Kon Tum tuyên bố: Bị cáo Phạm Huy Tuấn phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”. Áp dụng: Khoản 2 Điều 175; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt: Bị cáo Phạm Huy Tuấn 02 (Hai) năm tù.

### **2.2.3. Khó khăn vướng mắc trong thực tế quyết định hình phạt đối với tội vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng**

Trong những năm qua, TAND các cấp tại tỉnh Kon Tum đã thực hiện tốt hoạt động quyết định hình phạt theo khoản này rất chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, hạn chế để xảy ra sai sót trong quyết định hình phạt.

Tuy nhiên trong áp dụng pháp luật để quyết định hình phạt đối với loại tội phạm này vẫn gặp không ít khó khăn vướng mắc đó là:

*Đối với tình tiết định khung hình phạt*

Theo khoản 2 điều 175 BLHS năm 1999 thì mức tối thiểu của khung hình phạt là 02 năm tù, mức tối đa của khung hình phạt lên đến 10 năm tù. Rõ ràng việc quy định khung hình phạt quá rộng như vậy không những không thể hiện được nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự mà gây khó khăn cho cơ quan áp dụng pháp luật, là nguyên nhân làm phát sinh những hành vi tiêu cực, dễ dẫn đến tùy tiện khi quyết định hình phạt (xử quá nặng hoặc quá nhẹ).

*Về hình phạt bổ sung*

Chỉ có một hình phạt bổ sung duy nhất là hình phạt tiền nếu nó không được dùng làm hình phạt chính. Mức phạt từ 5 triệu đến 20 triệu đồng, mức xử phạt quy định như vậy thì biên độ áp dụng lại quá hẹp vì khoảng cách giữa 5 triệu và 20 triệu đồng quá gần nhau, trong khi đó tội vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng thường có rất nhiều bị cáo tham gia trong một vụ án.

## **Kết luận chương 2**

Định tội danh là giai đoạn có ý nghĩa quan trọng là tiền đề cho việc định khung hình phạt quyết định khung hình phạt chính xác đảm bảo cho việc xét xử đúng người đúng tội đúng pháp luật, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Đó là việc cơ quan có thẩm quyền sẽ dựa trên cơ sở của BLHS sau đó xem xét đánh giá tình tiết thực tế của vụ án hình sự, hành vi đã thực hiện trên thực tế thỏa mãn các dấu hiệu của tội phạm nào được quy định trong BLHS rồi trên cơ sở đó mới xác định vấn đề trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Quyết định hình phạt là loại lựa chọn hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội cụ thể. Quyết định hình phạt là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng của Tòa án do Hội đồng xét xử thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự.

Thực tiễn xét xử các loại tội phạm theo quy định tại Điều 175 BLHS cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt, đặc biệt những vụ án mà hành vi phạm tội của bị cáo không thể hiện các yếu tố cấu thành tội phạm một cách đặc trưng, rõ ràng. Nếu thiếu thận trọng, bỏ sót hoặc nhận định sai một tình tiết nào đó thì sẽ dẫn đến định tội danh không đúng cho người thực hiện hành vi nguy hiểm. Những vấn đề bất cập của BLHS quy định về hình phạt nói chung, cũng như Điều 175 BLHS nói riêng cũng đã ảnh hưởng phần nào đến việc quyết định hình phạt của Tòa án, bởi lẽ Điều 175 BLHS chỉ có



hai khung hình phạt chính và một khung hình phạt bổ sung, khoảng cách khung hình phạt giữa mức tối thiểu và mức tối đa quá dài, Điều 175 BLHS hiện nay còn có nhiều văn bản dưới luật hướng dẫn về hành vi khách quan của tội phạm cũng như mức độ thiệt hại.

Như vậy: Việc tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện Điều 175 BLHS về tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng, cũng như các điều khoản của BLHS quy định đối với hình phạt là một điều hết sức cần thiết.

### Chương 3

## CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA ĐỐI VỚI TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG

### 3.1. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự

#### 3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

BLHS năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2015 tuy nhiên đến nay chưa xác định được ngày có hiệu lực do phát hiện có nhiều sai sót cần được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng quy định tại Điều 175 BLHS năm 1999 nay là tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản quy định tại Điều 232 BLHS năm 2015. Có thể nói rằng Điều 232 BLHS 2015 đã cơ bản khắc phục những khiếm khuyết và những bất cập, chưa phù hợp của Điều 175 BLHS 1999. Tuy nhiên, khi nghiên cứu Điều 232 BLHS 2015 thấy rằng cần phải có sự hướng dẫn hoàn thiện bổ sung để việc áp dụng pháp luật được thống nhất đó là:

**Thứ nhất:** Tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 232 BLHS 2015 quy định về hành vi khai thác trái phép “*thực vật rừng ngoài gỗ*” có thể nói đây là điểm mới so với quy định tại Điều 175 BLHS 1999. Qua thực tế cho thấy “*thực vật rừng ngoài gỗ*” ở rừng nước ta rất đa dạng về sản phẩm và có nhiều giá trị khác nhau, có vai trò quan trọng trong đời sống con người, đặc biệt là đối với người dân sống trong và xung quanh rừng. Chính vì lẽ đó để đảm bảo cho pháp luật được thống nhất áp dụng, các cơ quan chức năng cần có hướng dẫn cụ thể đối với từng chủng loại là thực vật rừng ngoài

gỡ tránh việc áp dụng không thống nhất sẽ dễ dẫn đến oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

**Thứ hai:** Theo quy định tại Điều 232 BLHS 2015 có quy định về trị giá tài sản phạm pháp. Ví dụ: điểm e khoản 3 Điều 232 BLHS 2015 quy định “*Tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái pháp luật các loài thực vật hoang dã khác trị giá 1.200.000.000 đồng trở lên*” hoặc điểm g khoản 1 Điều 232 BLHS 2015 quy định “*Tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép các loài thực vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng*”. Qua thực tế cho thấy việc xác định giá trị các loại lâm sản khác được xác định theo giá thị trường tại địa phương vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Thế nhưng qua thực tế thấy rằng các loại lâm sản khác nêu trên không xác định được giá cả vì nhiều loại lâm sản không được mua bán thông dụng trên thị trường và pháp luật cũng không có quy định nào khác. Do đó, kiến nghị cần có danh mục cụ thể các loại thực vật hoang dã hoặc thực vật rừng ngoài gỗ để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể về giá tránh việc áp dụng tùy tiện ...

**Thứ ba:** Khoản 5 Điều 232 BLHS 2015 quy định về pháp nhân thương mại phạm tội. Đây là quy định mới trong BLHS nói chung và trong Điều 232 nói riêng. Kể từ ngày bộ luật hình sự có hiệu lực, các pháp nhân thương mại có hành vi phạm tội “*vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản*” thì phải chịu TNHS. Đồng thời quy định rõ 04 điều kiện để một pháp nhân thương mại phải chịu TNHS. Điều 75 BLHS quy định: Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại.
- b. Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại.

c. Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại.

d. Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS.

Đây là những quy định hoàn toàn mới do vậy cần có sự hướng dẫn kịp thời để pháp luật áp dụng thống nhất. Qua nghiên cứu những quy định mới nêu trên thấy rằng cần có hướng dẫn cụ thể các quy định. Ví dụ: Một pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội tuy nhiên những hành vi đó có những thành viên của công ty (pháp nhân) không đồng tình thì hậu quả pháp lý sẽ được giải quyết như thế nào đối với những thành viên đó? Hoặc pháp luật quy định hành vi của cá nhân “*hành động*” hoặc “*không hành động*” cũng có thể coi là tội phạm như vậy trong trường hợp một pháp nhân “*không hành động*” thì có thể coi là phạm tội ...

Về vấn đề định tội đối với pháp nhân thương mại cũng có những bất cập cần hướng dẫn: Khoản 2 Điều 75 BLHS quy định: Việc pháp nhân thương mại chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân. Quy định như trên là chưa phù hợp với nguyên tắc cá thể hóa TNHS. Ví dụ: Một công ty TNHH “X” do ông A làm giám đốc có hành vi vận chuyển, mua bán gỗ trái phép, theo quy định tại Điều 175 BLHS năm 1999 thì A bị truy tố theo khoản 1 Điều 175 BLHS. Nay theo quy định mới thì công ty TNHH “X” cũng có thể phải chịu TNHS về hành vi buôn bán gỗ trái phép của A.

**Thứ tư:** Các quy định pháp luật về tố tụng hình sự đối với một pháp nhân theo quy định của BLTTHS mới năm 2015 cũng có nhiều bất cập cần có sự hướng dẫn hoặc bổ sung pháp luật kịp thời. BLTTHS năm 2015 quy định một chương riêng chương XXIX quy định về thủ tục tố tụng truy cứu TNHS pháp nhân thế nhưng không có quy định riêng về thủ tục xét xử với một pháp nhân là bất hợp lý. Khoản 2 Điều 444 BLTTHS quy định việc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm đối với pháp nhân phạm tội được thực hiện như

quy định tại phần 4 và 6 của bộ luật này. Thế nhưng phần thứ tư và phần thứ sáu của BLTTHS quy định thủ tục xét xử đối với một cá nhân. Điều này cho thấy sự thiếu sót và bất hợp lý trong BLTTHS.

Hiện nay cùng với việc BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật và chờ sửa đổi bổ sung những sai sót do vậy BLTTHS năm 2015 cũng chưa có hiệu lực. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của những quy định tổ tụng trong điều tra truy tố xét xử do vậy việc quy định riêng một chương quy định về xét xử vụ án hình sự đối với một pháp nhân phạm tội là cần thiết. Trong chương này cần xây dựng những quy định về thẩm quyền xét xử theo phân cấp thành lập pháp nhân cũng như trụ sở văn phòng hoạt động của pháp nhân (Ví dụ: Một công ty A có trụ sở tại tỉnh K vận chuyển gỗ trái phép đến tỉnh B thì bị phát hiện như vậy thẩm quyền xét xử là ở tỉnh A hay tỉnh B nơi phát hiện tội phạm?). Các quyền nghĩa vụ cơ bản của pháp nhân thông qua người đại diện theo pháp luật tại trước, trong và sau phiên tòa. Hay các quy định về sự vắng mặt, có mặt của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Bởi lẽ đại diện theo pháp luật của pháp nhân khi ra tòa không phải là một bị cáo, nếu họ vắng mặt tại phiên tòa thì không thể áp dụng các quy định của chương xét xử một cá nhân để cho rằng vắng mặt bị cáo tại phiên tòa và hoãn phiên tòa v.v... Hoặc hình thức tổ chức phiên tòa xét xử một pháp nhân. Tất cả những nội dung trên cần phải được quy định rõ ràng, theo quan điểm của cá nhân thấy rằng chỉ quy định tại điều 444 BLTTHS năm 2015 về việc xét xử một pháp nhân là bất hợp lý, chưa phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp về nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa đối với một pháp nhân.

### **3.1.2. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng**

Giải quyết án hình sự nói chung và đối với một vụ án hình sự vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng nói riêng bao gồm giai đoạn điều

tra, truy tố và xét xử. Việc áp dụng luật hình sự trong hoạt động giải quyết án hình sự là hoạt động thường xuyên của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng, đây là loại tội phạm gây hậu quả lâu dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống con người, diễn biến ngày càng phức tạp do vậy trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết loại tội phạm này, các cơ quan tiến hành tố tụng không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc và thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật sẽ phát hiện ra nhiều bất cập đối với những quy định của pháp luật. Do vậy việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này là hết sức cần thiết và thường xuyên. Thông qua đó các cơ quan tiến hành tố tụng có những đúc kết kinh nghiệm, cũng như đóng góp ý kiến góp phần xây dựng pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm.

### **3.1.3. Nâng cao năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng**

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì chủ thể áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình giải quyết vụ án bao gồm điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm nhân dân. Đối với những vụ án liên quan đến vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng thì có kiểm lâm viên. Để việc xử lý về hình sự đối với một vụ án hình sự liên quan đến Điều 175 BLHS đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội thì năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự nêu trên có vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong tình hình hiện nay tội phạm này có chiều hướng gia tăng, phức tạp. Do vậy việc điều tra, truy tố, xét xử gặp không ít khó khăn trong thực thi pháp luật, đặc biệt trong giai đoạn điều tra, phát hiện và xử lý tội phạm. Ngoài việc tăng cường về số lượng thì chất lượng cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật cần phải được

nâng cao về đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn là những yêu cầu và đòi hỏi trong việc đấu tranh, xử lý loại tội phạm này.

### **3.2. Các giải pháp phòng ngừa đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng**

Qua các số liệu thống kê đã trình bày trong đề tài này cho thấy, số vụ việc được đưa ra truy tố, xét xử không phải là con số phản ánh đúng sự thật của tình hình tội phạm.

Thực tế cho thấy rừng đang bị tàn phá nặng nề không chỉ trên phạm vi một địa phương mà cả toàn quốc. Vụ cháy rừng U Minh Thượng, vụ phá rừng ở Tánh Linh – Bình Thuận, vụ phá rừng Kon Kking tại Kon Tum là những vụ việc điển hình cho mức độ và hậu quả tàn phá mà chúng ta đã được biết. Đặc điểm của loại tội này là xảy ra trên địa bàn rộng, khó kiểm soát do điều kiện tự nhiên. Phương thức phạm tội cũng đã có nhiều thay đổi để trốn tránh sự kiểm tra phát hiện. Lực lượng chuyên trách chưa được tổ chức, trang bị đầy đủ khả năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ nguồn tài nguyên rừng. Bên cạnh đó điều kiện kinh tế chưa thật phát triển, đời sống nhân dân chưa ổn định nhất là ở những vùng sâu xa trong khi chúng ta chưa có một chính sách thật sự hợp lý để phát triển kinh tế ở những vùng này khiến cho việc loại trừ nạn phá rừng là vấn đề gặp rất nhiều khó khăn.

Trong khi đó chưa thực sự có một môi trường pháp lý rõ ràng, đủ mạnh để ngăn chặn và trừng trị thích đáng người có hành vi vi phạm kết hợp với việc xử lý thiếu nghiêm minh, còn quá nhiều kẽ hở cho những kẻ phạm tội lọt lưới pháp luật. Do vậy tình trạng xâm phạm tài nguyên rừng trong thời gian qua đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Dự báo trong thời gian sắp tới hình hình tội phạm đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng sẽ không suy giảm mà sẽ còn diễn

biến rất phức tạp với phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi hơn và hậu quả gây ra ngày càng nghiêm trọng hơn ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế và nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Do vậy cần thiết phải đưa ra những giải pháp cụ thể mang tính khả thi nhằm ngăn chặn loại tội này. Sau đây là một số giải pháp cơ bản:

### **3.2.1. Tăng cường cơ sở vật chất cho lực lượng Kiểm lâm, có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các ngành liên quan**

Lực lượng Kiểm lâm là lực lượng trực tiếp bảo vệ rừng. Tuy vậy cũng như tình hình chung của cả nước, lực lượng Kiểm lâm trên địa bàn Kon Tum hiện đang thực hiện nhiệm vụ của mình trong tình trạng thiếu nhân lực và trang thiết bị chuyên dụng. Hiện nay các thiết bị để ứng phó với nguy cơ cháy rừng, nhất là cháy lớn hầu như không có. Phương tiện phục vụ tuần tra, canh gác, truy bắt không được trang bị hiện đại chưa đủ sức đương đầu với những phương thức và thủ đoạn phạm tội mới. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên chính là bảo vệ nguồn lợi kinh tế và cũng là bảo vệ môi trường sống. Do vậy nhất thiết phải đầu tư, không trước thì sau và chi phí đầu tư cho việc bảo vệ, ngăn chặn bao giờ cũng rẻ hơn, hiệu quả hơn so với chi phí khắc phục hậu quả. Mặt khác với lực lượng chuyên trách quá mỏng như hiện nay cũng phải tính đến phương án đào tạo bổ sung và bố trí hợp lý nguồn nhân lực trên cơ sở nâng cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường kiểm tra giám sát, tránh tình trạng giao khoán rừng cho từng đầu mối cán bộ mà thiếu kiểm tra, tạo ra tình trạng “*chủ rừng*” lạm quyền, tư lợi gây thiệt hại cho Nhà nước. Qua khảo sát thực tế thấy rằng việc “*Chủ rừng*” cho phương tiện vào rừng khai thác lâm sản (trừ gỗ) như tre nứa để phục vụ sản xuất trên cơ sở “*Nộp khoán*” từng xe là khá phổ biến. Đây là hiện tượng tiêu cực cần phải loại trừ. Bên cạnh đó cần chú ý đến sự phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, bộ đội Biên phòng và Công an để giải quyết có hiệu quả đối với những trường hợp bắt người vi phạm, tạm giữ khi



phát hiện người vi phạm, tránh tình trạng đùn đẩy cho rằng không đúng thẩm quyền tạo điều kiện cho người phạm tội lọt lưới pháp luật.

### **3.2.2. Xác định chiến lược phát triển kinh tế ổn định lâu dài**

*\* Ổn định cuộc sống người dân vùng có rừng.*

Dựa trên đặc điểm của cộng đồng cư dân tại chỗ và mới đến, ta thấy đời sống của người dân trên địa bàn Kon Tum gắn chặt với rừng. Rừng là nguồn sống, là yếu tố quan trọng chi phối phương thức sản xuất và tập quán sinh hoạt. Do vậy để ngăn chặn nạn phá rừng cần phải làm nhiều việc. Trong đó phải chú trọng đầu tiên là vấn đề định canh, định cư, xóa bỏ cho được tình trạng du canh, du cư cũng như phương thức sản xuất lạc hậu chọc tĩa, đốt rừng làm nương rẫy. Xác định khu dân cư gắn liền với những điều kiện để kích thích và phát triển kinh tế trong toàn vùng trên cơ sở định hướng lâu dài. Tránh tình trạng quy hoạch cho có, gom dân về một nơi mà không đầu tư cho phát triển, bỏ mặc dân với nơi ở mới trong tình trạng thiếu thốn cơ sở vật chất, tự xoay xở để tồn tại.

Bên cạnh đó cần có chủ trương kiên quyết hơn trong việc quản lý dân di cư tự do. Ngăn chặn triệt để hiện trạng này trên cơ sở quản lý chặt chẽ hộ khẩu, hộ tịch, xử phạt nặng những trường hợp vi phạm. Thực tế cho thấy giải quyết vấn đề này có rất nhiều ý nghĩa, góp phần lớn cho việc ổn định trật tự trị an trên địa bàn.

*\* Có chính sách phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.*

Mỗi địa phương đều có những đặc điểm về điều kiện tự nhiên riêng biệt về khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình và đặc điểm dân cư có sự khác nhau trên từng vùng lãnh thổ. Do vậy khó có thể có một mô hình chung để phát triển kinh tế cho tất cả các địa phương trên toàn quốc.

Chính vì vậy xác định chính sách phát triển kinh tế phù hợp, biết khai thác các thế mạnh của địa phương sẽ là yếu tố quan trọng để giữ vững sự ổn định. Với điều kiện tự nhiên đặc thù của một tỉnh miền núi, Kon Tum cần xác định cho mình hướng đi với ngành nghề, cây trồng, vật nuôi phù hợp. Công nghiệp khai thác gỗ và chế biến lâm sản là thế mạnh của địa phương, cần có kế hoạch sản xuất phù hợp đầu tư trang thiết bị hiện đại để khai thác hiệu quả nhất nguồn tài nguyên này tránh vì cái lợi trước mắt mà khai thác kiệt quệ rừng. Cây Cao su, Cà phê, cây Hồ tiêu là những cây công nghiệp có giá trị. Tuy nhiên cần phải có chính sách đầu tư, thu mua sản phẩm, phát triển gắn với đảm bảo thị trường tiêu thụ. Đây là vấn đề cần có sự can thiệp của Nhà nước nếu để nhân dân tự phát sẽ không tránh khỏi tình trạng: Trồng – chặt phá – trồng mới, sản xuất theo phong trào, chạy theo hiệu quả ảo.

Bên cạnh đó cần có những biện pháp khuyến lâm. Mạnh dạn giao đất, giao rừng nhất là rừng khoanh nuôi tái sinh, rừng trồng nguyên liệu. Đầu tư cho việc trồng rừng song song với bao tiêu sản phẩm. Không thể để tình trạng như hiện nay, người trồng rừng phải chịu lỗ vì chi phí sản xuất quá cao mà sản phẩm làm ra được tiêu thụ với giá thấp, khiến người trồng rừng không yên tâm đầu tư mà chuyển sang các loại cây trồng ngắn hạn như ngô, sắn v.v... Trước mắt không nên đầu tư trồng mới tràn lan theo kiểu lấy số lượng mà phải đầu tư phát triển tốt, đảm bảo hiệu quả diện tích rừng hiện có.

### **3.2.3. Tăng cường công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật**

Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật. Tôn trọng và tự nguyện bảo vệ nguồn tài nguyên rừng trong cộng đồng dân cư là việc làm khó, đòi hỏi thời gian lâu dài. Đồng bào các dân tộc thuộc vùng sâu, vùng xa vốn là những cộng đồng dân cư tại chỗ. Đời sống của mỗi thành viên không thể tách rời khỏi cộng đồng và trong mỗi buôn làng vai trò của Già làng, Trưởng bản là vô

cùng quan trọng. Họ hầu như quyết định toàn bộ hoạt động của cả cộng đồng. Chúng ta xác định được đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn Kon Tum là gắn chặt với rừng nhưng cách tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng như hiện nay là thiếu hiệu quả và không thực tế.

Việc tuyên truyền chỉ mang tính hình thức, chưa đi sâu, đi sát vào những đối tượng cần phải tuyên truyền. Do vậy trong công tác tuyên truyền cần xác định được những đối tượng làm hạt nhân – đầu mối để thực hiện. Đó chính là những Già làng, đội ngũ cán bộ xã, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Chính họ là những người am hiểu nhất về rừng, về thói quen sinh hoạt của đồng bào. Dựa trên uy tín, tiếng nói của họ có tác dụng gấp hàng chục, hàng trăm lần so với phương thức tuyên truyền suông đang thực hiện. Do vậy cần sát dân, nắm vững được tâm tư tình cảm của họ, dùng kiến thức phổ thông dễ hiểu để vận động tuyên truyền đối với đội ngũ này. Làm cho trước hết là để đội ngũ này phải hiểu được giá trị to lớn nhiều mặt của rừng và tác hại của việc xâm hại đến nguồn tài nguyên rừng. Để từ chính với số lượng ít nhưng chất lượng cao này hiệu quả tuyên truyền sẽ được nâng cao thêm một bước. Chúng ta sẽ có được sự tuân thủ không phải vì sợ luật mà điều chúng ta cần là ý thức phải đồng nghĩa với sự giác ngộ. Nếu không hiểu về đặc điểm dân cư, về tập quán sinh hoạt cứ nặng về hình thức, hiệu quả tuyên truyền sẽ không được như mong muốn.

Bên cạnh đó cần đẩy mạnh thời lượng, số trang bài, các chuyên mục về bảo vệ rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân có điều kiện hơn trong cập nhật kiến thức, hình thành ý thức tôn trọng và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng trong toàn cộng đồng theo phương châm: Hãy để cho rừng tồn tại, rừng sẽ ban lại cho ta sự sống.

### **3.2.4. Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm, tránh hành chính hóa hình sự**

Nguyên nhân để nạn phá rừng hoành hành có nhiều, trong đó có sự thiếu kiên quyết trong xử lý, xử lý không nghiêm làm cho kẻ phạm tội coi thường pháp luật, nhân dân mất lòng tin vào sự nghiêm minh của pháp luật, Nhà nước. Để tăng cường xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm, trước hết đối với đội ngũ thực thi công vụ cần được giáo dục để họ thấy rõ vai trò, vị trí của mình trong công tác bảo vệ rừng. Hiện nay để xử phạt hành chính hoặc truy cứu TNHS phải dựa vào định lượng. Vấn đề này hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ chuyên trách, những người xử lý ban đầu. Việc thừa hoặc thiếu vài m<sup>3</sup> là điều rất dễ dàng nếu những người thực thi pháp luật không chí công, vô tư. Do vậy cần có chế độ đãi ngộ thỏa đáng và tăng cường kiểm tra giám sát đối với hoạt động của lực lượng chuyên trách để tránh tình trạng hành chính hóa hình sự. Bên cạnh đó để ngăn chặn tội phạm cần tuyệt đối tránh tình trạng hóa giá tang vật, tạo điều kiện cho một bộ phận có chức quyền mua số tang vật này để tái sản xuất. Hiện tượng này cần kiên quyết dẹp bỏ để tạo lòng tin nơi quần chúng. Bên cạnh đó cũng cần xử lý kiên quyết hơn đối với những hộ sản xuất trồng hồ tiêu có dùng trụ gỗ. Thực tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã áp dụng xử phạt hành chính theo đầu trụ cây tại vườn sản xuất. Song biện pháp này không được tiếp tục duy trì tạo ra tình trạng biết là bất hợp pháp nhưng vẫn thừa nhận khi đưa vào sản xuất xem như chuyện đã rồi. Giống như tình trạng chống buôn lậu thuốc lá nhưng vẫn thừa nhận cho thuốc lá ngoại được tiêu thụ tràn ngập trên thị trường.

Một vấn đề khác về việc xử lý nghiêm minh hơn đối với hành vi vi phạm cũng cần được đề cập đến là vấn đề áp dụng nghiêm khắc các quy định của luật hình sự. Thực tế cho thấy tất cả các vụ án được đưa ra xét xử các bị cáo đều được áp dụng mức hình phạt dưới 7 năm tù. Bất kể số lượng khai thác

lớn hơn nhiều so với mức định lượng, thực tế việc xử lý cho thấy vi phạm 15 m<sup>3</sup> bị xử phạt 2 – 3 năm tù. 200 – 300m<sup>3</sup> mức xử phạt cũng không thay đổi nhiều. Đây là điều bất hợp lý bởi tính khập khiễng trong áp dụng luật. Điều này tạo ra tiền lệ xấu cho việc áp dụng pháp luật và tạo thái độ xem thường pháp luật của người phạm tội. Vì lợi ích kinh tế họ sẵn sàng vi phạm pháp luật để thu lợi, chấp nhận một “giá” vừa phải để được lựa chọn so với việc thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật khác. Do vậy cần phải xử lý nghiêm minh. Răn đe đúng mức để đảm bảo mục đích giáo dục và phòng ngừa chung.

### **Kết luận chương 3**

Áp dụng pháp luật trong hoạt động giải quyết án hình sự là hoạt động thường xuyên của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo hiến pháp và pháp luật được thực thi một cách có hiệu quả. Một trong những yếu tố quyết định là việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và các bộ luật trong đó có BLHS và BLTTHS cần phải được ban hành, sửa đổi bổ sung kịp thời. BLHS năm 1999 nói chung đã đáp ứng được đòi hỏi khách quan của công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên quá trình thực thi pháp luật BLHS năm 1999 nói chung và Điều 175 BLHS nói riêng bộc lộ những bất cập cần được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Là một tỉnh có diện tích rừng bao phủ lớn, tình hình tội phạm liên quan đến việc khai thác trái phép, sử dụng tài nguyên rừng trong những năm qua đối với tội phạm này không có dấu hiệu giảm, ngược lại có những diễn biến mới phức tạp, khôn lường. Do đó cần đưa ra những giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa loại tội phạm này là rất cần thiết, những giải pháp này là cần phải được thực hiện đồng bộ, chú trọng vào chiều sâu và tính hiệu quả để việc thực hiện mang tính khả thi và góp phần có hiệu quả vào công tác bảo vệ nguồn tài nguyên rừng, phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ thực tiễn tỉnh Kon Tum, bước đầu luận văn đã cố gắng làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt từ thực tiễn tỉnh Kon Tum. Kết quả mà chúng tôi đạt được cho phép đi đến một số kết luận chung sau đây:

Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đang diễn biến hết sức phức tạp, các vụ án Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng không có dấu hiệu giảm gây mất trật tự ổn định xã hội, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, sự phát triển kinh tế và ổn định chính trị của tỉnh.

Từ thực tiễn của các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giải quyết các vụ án Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng thì hoạt động định tội danh là một trong những hoạt động rất quan trọng trong việc xác định một người có phải chịu TNHS cho hành vi của mình gây ra hay không, do vậy hoạt động định tội danh đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng là một quá trình nhận thức lý luận có tính logic, đồng thời là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, được tiến hành bằng cách trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án để đối chiếu, so sánh, kiểm tra nhằm xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của những hành vi Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng tương ứng do luật hình sự quy định.

Quyết định hình phạt với tư cách là một hoạt động quan trọng trong áp dụng pháp luật hình sự, do Tòa án có thẩm quyền (HĐXX) thực hiện sau khi đã định tội danh và tùy thuộc vào từng trường hợp để quyết định khung hình

phạt, loại hình phạt, mức hình phạt cụ thể trong phạm vi giới hạn của khung hình phạt do luật định áp dụng cho chính cá nhân người phạm tội, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hoặc những hình phạt cho người phạm tội theo quy định của BLHS. Để đảm bảo pháp chế XHCN, hoạt động quyết định hình phạt phải được thực hiện dựa trên các căn cứ luật định. Căn cứ quyết định là những đòi hỏi cụ thể, có tính khách quan, do BLHS quy định mà HĐXX bắt buộc phải tuân thủ để không chỉ đảm bảo cho hình phạt được quyết định một cách khách quan, đúng pháp luật mà còn nhằm đạt được những mục đích của hình phạt ở mức cao nhất khi áp dụng đối với người phạm tội bị kết án. Việc tuân thủ căn cứ quyết định hình phạt sẽ đảm bảo cho hình phạt được quyết định tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đảm bảo tính hợp pháp và có căn cứ pháp lý của hoạt động quyết định hình phạt.

Từ thực tiễn hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng tại tỉnh Kon Tum trong thời gian qua cho thấy công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án luôn được các cấp quan tâm chú trọng. Thực tế là số vụ án bị hủy, bị cải sửa theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm là không nhiều, chủ yếu là cải sửa theo hướng giảm nhẹ hình phạt do áp dụng thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc do HĐXX đánh giá mức độ, tính chất, hậu quả của hành vi mà xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Điều này cho thấy sự nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tố tụng địa phương trong việc khắc phục những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, đề ra những đường lối xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử.

Qua nghiên cứu tìm hiểu các quy định của pháp luật về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng cũng như thực tiễn xét xử và nghiên cứu Điều 232 BLHS 2015 tác giả đã đưa ra những điểm mới của Điều 232 BLHS

2015 đồng thời cũng mạnh dạn đề xuất những vướng mắc bất cập cần được hướng dẫn khi điều luật trên được đưa vào áp dụng thực tiễn đồng thời kiến nghị kịp thời bổ sung những quy định mới của BLTTHS đối với chương xét xử pháp nhân phạm tội theo khoản 5 điều 232 BLHS./.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Luật Hình Sự năm 1985. Bộ Luật Hình Sự năm 1999.
2. Mai Bộ (1999), “Thế nào là tội danh nặng hơn, nhẹ hơn”, *Tạp chí TAND số 07*.
3. Lê Cẩm (1999), “Định tội danh – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí TAND*, số 8.
4. Lê Cẩm (2009), “Toàn cầu hóa việc hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành liên quan đến các tội phạm về môi trường”, *Tạp chí TAND*,
5. Chính phủ (2015), *Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 9/9/2015*
6. Chính phủ (2013), *Nghị định 157/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2013*.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chnhcs trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng năm 2020, Hà Nội.
8. Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (2015), Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Hòa (1993), “Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí TAND*, số 1.
10. Nguyễn Ngọc Hòa (2000), Trách nhiệm hình sự và hình phạt, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Nguyễn Ngọc Hòa (2004), Cấu thành tội phạm – Lý luận và thực tiễn, NXB tư pháp, Hà Nội.
12. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Pháp luật hình sự (2005), *Thực tiễn xét xử và án lệ*, NXB Lao động xã hội chủ nghĩa.

14. Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 về Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
15. Quốc Hội (1985, 1999), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
16. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*.
17. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi)*.
18. Quốc hội (1992), *Luật Bảo vệ và phát triển rừng*.
19. Quốc hội (2006), *Luật Bảo vệ môi trường*.
20. Đinh Văn Quế (2002), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, tập 2 (2002), Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
21. Đinh Văn Quế (2005), “Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999”, *Tạp chí TAND*, số 16.
22. Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (2011-2012-2013-2014-2015), Báo cáo tổng kết công tác xét xử án hình sự của TAND tỉnh Kon Tum.
23. Thông tư liên tịch số 19/2007 ngày 8/3/2007 Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn – Bộ Tư pháp – Bộ Công an – VKSNDTC– TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng.
24. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2005), *Tổng tập văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội*, tập 1, NXB Tư pháp.
26. Đào Trí Úc (chủ biên) (1996), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Tội phạm học, Luật hình sự; Luật TTHS, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

27. Võ Khánh Vinh (1993), “Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 08.
28. Võ Khánh Vinh (2003), “Thay đổi định tội danh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 12/2003.
29. Võ Khánh Vinh (1996), *Nguyên tắc công bằng trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ.
30. Võ Khánh Vinh, *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật TTHS, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Võ Khánh Vinh, (2011), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Võ Khánh Vinh, (2013), *Giáo trình về Lý luận chung về định tội danh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Võ Khánh Vinh, (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1999), *Bình luận khoa học tổ tụng hình sự*.
35. Phạm Đình Xinh (2008), Hoạt động điều tra Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng của Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế, chức vụ, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.